

HÚT



Giác hút cao su 3-2

- ▶ Tính chất vật liệu và khuyến cáo sử dụng 3-3
- ▶ Giác hút cao su (Loại tiêu chuẩn / Loại gắn vít) 3-4
- ▶ Giác hút cao su (Tầng / TR / TRN) 3-6
- ▶ Giác hút cao su gắn xốp Sponge 3-7
- ▶ Giác hút cao su (Phẳng / Free / Xốp EP sponge) / Nắp bịt chân hút (Mini / Small) 3-8
- ▶ Phụ kiện cho giác hút cao su 3-9
- ▶ Giác hút cao su (Tầng Fluorine / Tấm kim loại) 3-10
- ▶ Giác hút cao su (Vacuum) 3-11
- ▶ Giác hút cao su (Đa tầng) 3-12
- ▶ Giác hút cao su (Túi) 3-13
- ▶ Giác hút không tiếp xúc 3-14
- ▶ Giác hút phẳng 3-15
- ▶ Giác hút cao su 1.5-tầng 3-17
- ▶ Giác hút cao su 2.5-tầng 3-18
- ▶ Giác hút Oval 3-19
- ▶ Giác hút kim loại tấm 3-20
- ▶ Giác hút thay thế 3-21



Chân giác hút 3-22

- ▶ Chân giác hút (Micro / Mini / Small / Large) 3-23
- ▶ Chân giác hút chống xoay (Micro / Mini / Small / cho ren 1/8 / Tấm điều chỉnh góc / Large) 3-30
- ▶ Chân giác hút với cơ cấu khóa cơ khí 3-32
- ▶ Đầu gắn với chân hút 3-33
- ▶ Chân hút ↔ Bảng lựa chọn giác hút 3-34
- ▶ Chân hút cố định / cho xi lanh khí Mini 3-36
- ▶ Tấm điều chỉnh 3-37
- ▶ Tấm điều chỉnh góc độ chân hút 3-38



Pad in Pad 3-40

- ▶ Chân hút trong / Chân hút ngoài 3-40
- ▶ Giác hút trong / Giác hút ngoài / Bộ dụng cụ thử nghiệm 3-41
- ▶ Bảng lựa chọn Pad in Pad 3-42



Tấm kẹp chân không 3-44



Phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra 3-46

- ▶ Bộ phun khí 3-47
- ▶ Tấm lọc khí nhỏ 3-48
- ▶ Bộ phun khí bằng nhựa 3-49
- ▶ Van kiểm tra nhỏ cho giác hút 3-50



Linh kiện lắp sản phẩm siêu nhỏ 3-52



Bộ tạo chân không 3-54

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

B. phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ông hình chữ nhật

Vật liệu Nhỏ cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén Cầm biến

Linh kiện khí nén

Cầm biến / Bộ mạch công tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung / Giác hút / Xi lanh nhựa / Tấm kẹp / Cầm biến khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Đập tấm - Gá công kim

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác



Giác hút (Loại tiêu chuẩn / Loại gắn vít)



Có thể lựa chọn sản phẩm phù hợp nhất từ danh sách các sản phẩm.

3-4

Giác hút (Tầng / TR / TRN)



Sử dụng giác hút tầng cho sản phẩm có góc cạnh cỡ vừa. Loại Fluorine cũng được sử dụng. Có thể lựa chọn sản phẩm phù hợp nhất từ danh sách các sản phẩm.

3-6

Giác hút gắn xốp Sponge



Sử dụng để hút các sản phẩm gỗ gồ. (Dành cho phôi có độ lồi lõm nhỏ).

3-7

Giác hút (Phẳng/Tầng gắn xốp EP Sponge)



- Sử dụng cho các sản phẩm khó tách khỏi giác hút.
- Được sử dụng cho các sản phẩm góc cạnh.
- Sử dụng giác hút cho các bề mặt không bằng phẳng. (Dành cho các sản phẩm có gờ lớn)

3-8

Nắp bịt chân hút (Mini / Small)



Sử dụng nắp bịt khi không sử dụng chân giác hút.

3-8

Phụ kiện cho giác hút



Dán vào đầu giác hút theo mục đích sử dụng.

3-9

Giác hút (Tầng Fluorine /cho tấm thép)



- Sử dụng cho sản phẩm có góc cạnh.
- Để vận chuyển tấm kim loại.

3-10

Giác hút (Chân không/ Đa tầng)



Hỗ trợ làm việc độ đệm cao và không bằng phẳng.

3-11

Giác hút (Túi / Giác hút không tiếp xúc)



Thích hợp cho vật liệu mềm hoặc dạng túi.

3-13

Giác hút (Phẳng /Tầng)



Loại phẳng cơ bản. Có loại silicone và loại chống vết.

3-15

Giác hút Oval



Loại Oval. Có loại silicone và loại chống vết.

3-19

Giác hút kim loại tấm



Lực giữ mạnh theo hướng ngang và độ cân bằng ổn định tuyệt vời. Độ thích ứng cao với bề mặt cong. Độ bền cao với vật liệu độc đáo

3-20

Pad in Pad



Lý tưởng để gấp các sản phẩm có lỗ. Lỗ ở giữa sản phẩm được bịt kín bằng một giác hút nhỏ đặt bên trong giác hút lớn.

3-40

Tấm hút chân không



Tấm kẹp có thể sử dụng cho nhiều hình dạng phôi khác nhau.

3-44

Giác hút cho Air Ejectors



Vui lòng sử dụng với Air Ejectors.

3-47



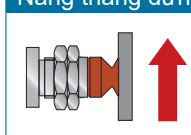
Vui lòng kiểm tra bằng hiệu suất trên trang web của chúng tôi.

Lực hút lý thuyết của giác hút

Lực hút lý thuyết có thể thu được bằng diện tích của giác hút và áp lực hút gây ra khi sử dụng giác hút.



Nâng ngang



Nâng thẳng đứng

● **Hiện thị kPa, N**

$$W = \frac{C \times P}{101} \times 10.13 \times f$$

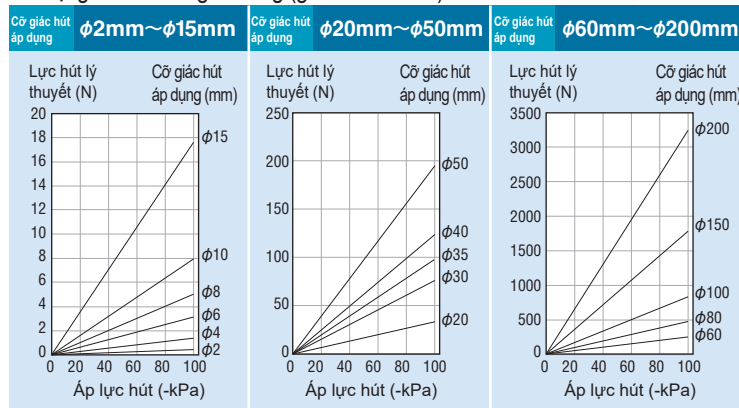
● **Hiện thị mmHg, Kg**

$$W = \frac{C \times P}{760} \times 1.0332 \times f$$

W : Lực hút lý thuyết (N) (Kg)
P : Áp lực hút (- kPa) (- mmHg)

C : Diện tích giác hút (cm²)
f : Hệ số an toàn

● **Loại giác hút thông thường (giác hút cao su)** *Yếu tố an toàn không được xem xét.



Hình dạng và công dụng của giác hút

Hình dạng giác hút	Công dụng	Hình dạng giác hút	Công dụng
Loại phẳng 	Nếu bề mặt của sản phẩm phẳng và không bị biến dạng.	Loại tăng 	- Được sử dụng khi không có không gian lắp đặt tấm đệm. - Bề mặt hút bị nghiêng. - Bề mặt hút bị cong.
Loại phẳng (có gân) 	- Sản phẩm dễ bị biến dạng. - Cải thiện việc thả sản phẩm.	Gắn Sponge 	Các sản phẩm có bề mặt hút không bằng phẳng.
Rãnh 	- Được sử dụng khi sản phẩm có màng dầu và trơn trượt. - Được sử dụng cho các sản phẩm cong.	Dạng túi 	Sản phẩm được bọc màng và sản phẩm mềm.
Oval 	Được sử dụng cho các sản phẩm có bề mặt hút nhỏ, dài và không ổn định.	Không tiếp xúc 	Dùng khi băng mạch in và băng acrylic, v.v. không thể hút và vận chuyển.

Tính chất cao su sử dụng trong giác hút

○ : Phù hợp △ : Có thể sử dụng tùy theo tình trạng (đặc điểm kỹ thuật). × : Không phù hợp

Đặc điểm	Vật liệu	Silicone (nâu)	Silicone (trắng trong suốt, trắng)	Urethane (trắng sữa)	Fluorine (đen)	Nitrile (Xanh lá)	Mark-free (xanh dương)
Khả năng chịu nhiệt (°C)		-60~250	-20~75	-10~230	-30~150	-10~140	
Độ cứng Shore (HS)		54~80	55	65	50	60	
Không để lại vết giác hút		×	×	○	○	○	
Thực phẩm		×/○	×	×	×	×	
Bao bì thực phẩm		○	○	○	○	○	
Khả năng chống dầu		×	○	○	○	○	
Tải nặng		△	○	△	○	△	
Chất chống tĩnh điện		△	×	△	×	×	
Bề mặt gỗ ghe (đá hoặc gỗ)		×	○	×	×	×	
Thủy tinh		×	○	○	×	○	
Kháng cồn		○	△	△	○	○	
Kháng A xít		△	×	○	△	×	

● Trên đây chỉ cho thấy đặc điểm chung của cao su. Kiểm tra hình dạng của giác hút và điều kiện vận hành.

* Tấm silicone (trong suốt màu trắng) tuân thủ tiêu chuẩn của Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) và BfR (Viện đánh giá rủi ro liên bang Đức).

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Lel's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cầm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch công tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp Cầm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác

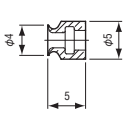
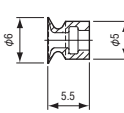
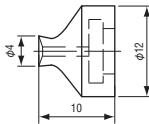
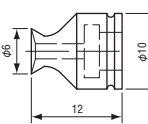
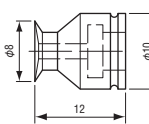
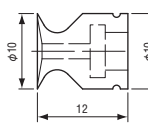


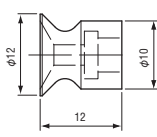
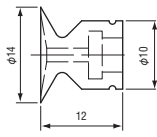
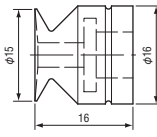
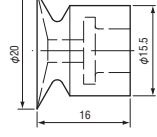
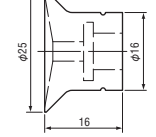
Giắc hút cao su (Loại tiêu chuẩn /Loại gắn vít)

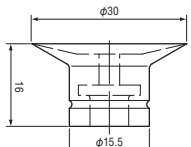
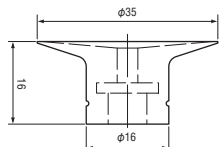
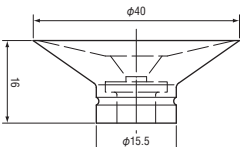
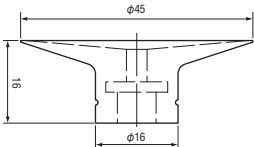
Lựa chọn từ danh sách các sản phẩm tùy theo nhu cầu của bạn.

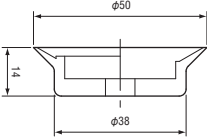
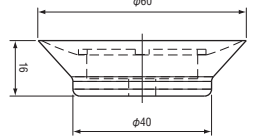
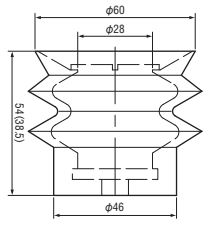
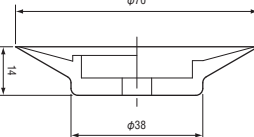
Silicone gia cố Độ bền và khả năng chịu nhiệt tuyệt vời (250°C) .
Urethane Độ bền tuyệt vời, khả năng chống dầu, chống hóa chất và cũng rất linh hoạt.

Fluorine Vật liệu này có độ bền vượt trội, khả năng chịu nhiệt và hóa chất, không dễ để lại vết hút, đảm bảo tuổi thọ sử dụng lâu dài.
Nitrile Độ bền tuyệt vời, chịu nhiệt và kháng hóa chất, chủ yếu chống lại vết hút và có tuổi thọ cao.

Kích thước giác hút	φ 4mm	φ 6mm	φ 4mm	φ 6mm	φ 8mm	φ 10mm
Giắc hút cao su (tiêu chuẩn)						
Bản vẽ						
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210789	210790	210700	210255	210191
	MODEL	VAPH-4M	VAPH-6M	VAPH-4C	VAPH-6C	VAPH-8C
	Trọng lượng	0.2g	0.3g	0.4g	0.5g	0.6g
Urethane (trắng sữa)	Mã đặt hàng.	—	—	210701	210395	210396
	MODEL	—	—	VAPU-4C	VAPU-6C	VAPU-8C
	Trọng lượng	—	—	0.4g	0.6g	0.7g
Fluorine (đen)	Mã đặt hàng.	—	—	210702	210402	210403
	MODEL	—	—	VAPF-4C	VAPF-6C	VAPF-8C
	Trọng lượng	—	—	0.9g	0.9g	1.0g
Nitrile (xanh lá)	Mã đặt hàng.	—	—	210791	210792	210793
	MODEL	—	—	VAPN-4C	VAPN-6C	VAPN-8C
	Trọng lượng	—	—	0.7g	0.7g	0.6g
Áp dụng chân hút	Micro : VFILB-M, MSH ➔ 3-23,30			Mini : VFILB-SS, or VFILB-SSH ➔ 3-23,24,25,30		

Kích thước giác hút	φ 12mm	φ 14mm	φ 15mm	φ 20mm	φ 25mm
Giắc hút cao su (tiêu chuẩn)					
Bản vẽ					
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210192	210616	210193	210194
	MODEL	VAPH-12C	VAPH-14C	VAPH-15C	VAPH-20C
	Trọng lượng	0.8g	1.0g	2.2g	2.6g
Urethane (trắng sữa)	Mã đặt hàng.	210397	210705	210398	—
	MODEL	VAPU-12C	VAPU-14C	VAPU-15C	—
	Trọng lượng	0.8g	0.8g	2.4g	—
Fluorine (đen)	Mã đặt hàng.	210404	210706	210405	—
	MODEL	VAPF-12C	VAPF-14C	VAPF-15C	—
	Trọng lượng	1.2g	1.2g	3.5g	—
Nitrile (xanh lá)	Mã đặt hàng.	210795	210796	210797	—
	MODEL	VAPN-12C	VAPN-14C	VAPN-15C	—
	Trọng lượng	1.0g	1.0g	3.1g	—
Áp dụng chân hút	Mini : VFIL-SS, hoặc VFILB-SSH ➔ 3-23,24,25,30			Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH ➔ 3-26,27,28,30	

Kích thước giác hút		φ 30mm	φ 35mm	φ 40mm	φ 45mm
Giác hút cao su (tiêu chuẩn)					
Bản vẽ					
Silicone giá cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210195	210618	210196	210621
	MODEL	VAPH-30C	VAPH-35C	VAPH-40C	VAPH-45C
	Trọng lượng	3.6g	4.0g	5.7g	6.9g
Urethane (trắng sữa)	Mã đặt hàng.	210400	—	210401	—
	MODEL	VAPU-30C	—	VAPU-40C	—
	Trọng lượng	3.6g	—	6.0g	—
Fluorine (đen)	Mã đặt hàng.	210407	—	210408	—
	MODEL	VAPF-30C	—	VAPF-40C	—
	Trọng lượng	5.5g	—	8.8g	—
Nitrile (xanh lá)	Mã đặt hàng.	210799	—	210800	—
	MODEL	VAPN-30C	—	VAPN-40C	—
	Trọng lượng	4.6g	—	7.6g	—
Áp dụng chân hút		Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH ➔ 3-26,27,28,30			

Kích thước giác hút		φ 50mm	φ 60mm	φ 60mm	φ 70mm
Giác hút cao su (tiêu chuẩn)					
Bản vẽ					
		* Giá trị trong () biểu thị kích thước khi có lực hút.			
Silicone giá cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210619	210311	210044	210620
	MODEL	VAPH-50F	VAPH-60F	VAPH-60F-2	VAPH-70F
	Trọng lượng	11.0g	17.0g	73.0g	17.0g
Fluorine (đen)	Mã đặt hàng.	—	210417	—	—
	MODEL	—	VAPF-60F	—	—
	Trọng lượng	—	28.0g	—	—
Nitrile (xanh lá)	Mã đặt hàng.	—	210801	—	—
	MODEL	—	VAPN-60F	—	—
	Trọng lượng	—	23.8g	—	—
Áp dụng chân hút		Large : VFI-L, hoặc VFIL-H ➔ 3-29,31			

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí /

Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ + Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch cộng tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển • Xếp Pallet / Kim loại tấm • Dập tấm • Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác

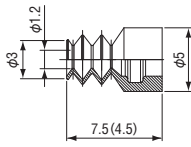
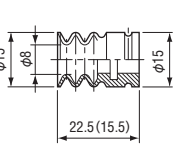
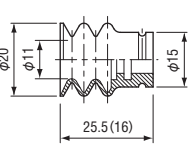
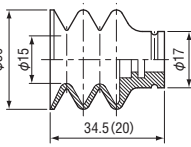
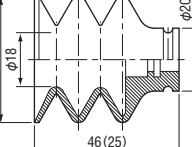


Giác hút cao su (Tăng/ TR / TRN)

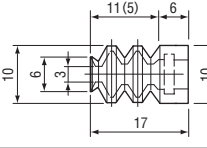
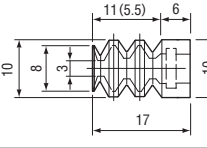
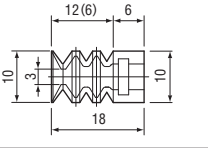
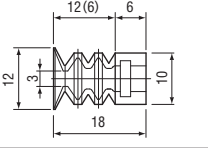
Lựa chọn từ danh sách các sản phẩm tùy theo nhu cầu của bạn.

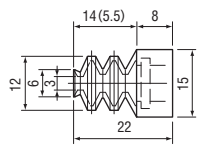
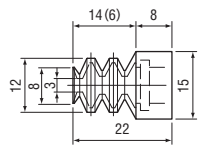
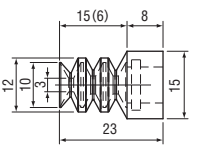
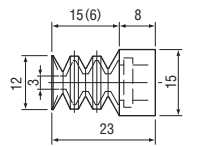
Silicone giá cổ Độ bền và khả năng chịu nhiệt tuyệt vời (250°C) . **Nitrile** Độ bền tuyệt vời, chịu nhiệt và kháng hóa chất, chủ yếu chống lại vết hút và có tuổi thọ cao.

► Sử dụng cho sản phẩm có bề mặt cong và góc cạnh. Khoảng cách giác hút tăng sẽ tiến gần sản phẩm.

Kích thước giác hút	φ3mm	φ15mm	φ20mm	φ30mm	φ40mm
Giác hút cao su (tiêu chuẩn)					
Bản vẽ					
* Giá trị trong () biểu thị kích thước khi có lực hút.					
Silicone (nâu)	Mã đặt hàng.	210897	210697	210661	210662
	MODEL	VAPH-3C-3	VAPH-15C-3	VAPH-20C-3	VAPH-30C-3
	Trọng lượng	1.0g	2.7g	2.9g	7.0g
Nitrile (xanh lá)	Mã đặt hàng.	210663	210664	210665	210666
	MODEL	VAPH-40C-3	VAPH-45C-3	VAPH-50C-3	VAPH-60C-3
	Trọng lượng	18.4g	25.5g	34.5g	46.0g
Áp dụng chân hút	Micro : VFILB-M, MSH → 3-23,30				
	Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH → 3-26,27,28,30				

► Sử dụng cho các sản phẩm có bề mặt cong và góc cạnh. Thể hiện khả năng lựa theo góc của sản phẩm.

Kích thước giác hút	φ6mm	φ8mm	φ10mm	φ12mm
Giác hút cao su (TR/TRN)				
Bản vẽ				
* Giá trị trong () biểu thị kích thước khi có lực hút.				
Silicone giá cổ (nâu)	Mã đặt hàng.	196327	196342	196406
	MODEL	TR-1062-1M	TR-1062-2M	TR-1062-3M
	Trọng lượng	1.0g	1.0g	1.1g
Nitrile (xanh lá)	Mã đặt hàng.	196403	196401	196399
	MODEL	TRN-1062-1M	TRN-1062-2M	TRN-1062-3M
	Trọng lượng	1.4g	1.4g	1.5g
Áp dụng chân hút	Mini : VFIL-SS, hoặc VFILB-SSH → 3-23,24,25,30			

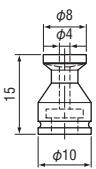
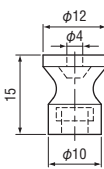
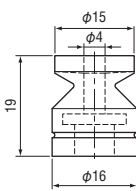
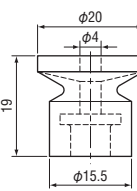
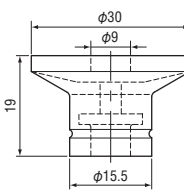
Kích thước giác hút	φ6mm	φ8mm	φ10mm	φ12mm
Giác hút cao su (TR/TRN)				
Bản vẽ				
* Giá trị trong () biểu thị kích thước khi có lực hút.				
Silicone giá cổ (nâu)	Mã đặt hàng.	193511	193512	196135
	MODEL	TR-1062-1	TR-1062-2	TR-1062-3
	Trọng lượng	1.0g	1.0g	1.1g
Nitrile (xanh lá)	Mã đặt hàng.	196404	196402	196398
	MODEL	TRN-1062-1	TRN-1062-2	TRN-1062-3
	Trọng lượng	1.4g	1.4g	1.5g
Áp dụng chân hút	Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH → 3-26,27,28,30			

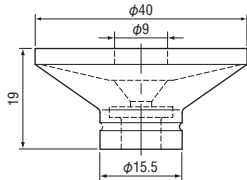
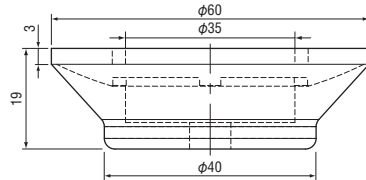


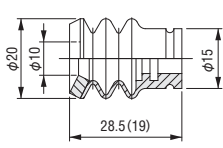
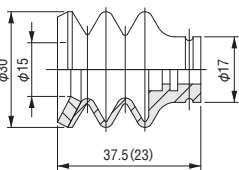
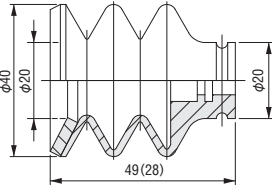
Giác hút cao su gắn Sponge

Sử dụng cho các sản phẩm có bề mặt hút không bằng phẳng.

- Vui lòng tìm hiểu thêm thông tin về giác hút có gắn Sponge có kích cỡ khác.
- Vật liệu Sponge : Silicon bột ô kín
- Khả năng chịu nhiệt (sử dụng liên tục trong thời gian dài): 150°C

Kích thước giác hút		φ 8mm	φ 12mm	φ 15mm	φ 20mm	φ 30mm
Giác hút cao su (w/ sponge)						
Bản vẽ						
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210664	210665	210534	210535	210536
	MODEL	VAPH-8C-SP	VAPH-12C-SP	VAPH-15C-SP	VAPH-20C-SP	VAPH-30C-SP
	Trọng lượng	0.7g	0.9g	2.6g	2.9g	4.8g
	Khả năng chịu nhiệt	200°C			200°C	
Áp dụng chân hút		Mini : VFIL-SS, hoặc VFILB-SSH ➔ 3-23,24,25,30			Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH ➔ 3-26,27,28,30	

Kích thước giác hút		φ40mm	φ60mm
Giác hút cao su (gắn Sponge)			 ※ Loại gắn vít
Bản vẽ			
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210537	210538
	MODEL	VAPH-40C-SP	VAPH-60F-SP
	Trọng lượng	8.3g	22.0g
	Khả năng chịu nhiệt	200°C	200°C
Áp dụng chân hút		Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH ➡ 3-26,27,28,30	Large : VFI-L, hoặc VFIL-H ➡ 3-29,31

Kích thước giác hút	φ20mm	φ30mm	φ40mm
Giác hút cao su (Gắn Sponge)			
Bản vẽ			
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210914	210915
	MODEL	VAPH-20C-10-3-SP	VAPH-30C-15-3-SP
	Trọng lượng	3.0g	8.0g
	Khả năng chịu nhiệt	200°C	
Áp dụng chân hút		Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH → 3-26,27,28,30	

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ • Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Lel's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến /Bo mạch cộng tín hiệu AND

Bo mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp / Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển • Xếp Pallet / Kim loại tấm • Dập tấm • Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

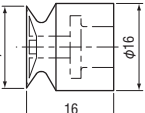
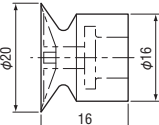
Thông tin sản phẩm khác



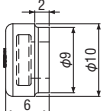
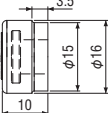
Giác hút cao su (Phẳng/Free/EP sponge) / Nắp bịt chân giác hút (Mini/Small)

Lựa chọn từ danh sách các sản phẩm tùy theo nhu cầu của bạn.

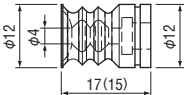
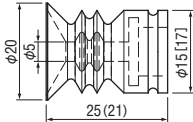
► Được sử dụng cho các sản phẩm khó tách ra khỏi giác hút.

Kích thước giác hút		φ 15mm	φ 20mm
Giác hút cao su (Phẳng)			
Bản vẽ			
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210389	210390
	MODEL	VAPH-15C-1	VAPH-20C-1
	Trọng lượng	2.0g	2.4g
Áp dụng chân hút		Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH ➡ 3-26,27,28,30	

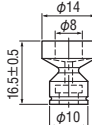
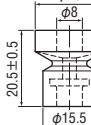
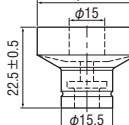
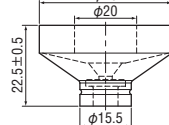
► Được sử dụng để gắn vào đầu của chân giác hút.

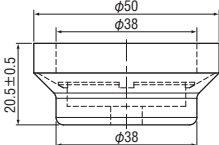
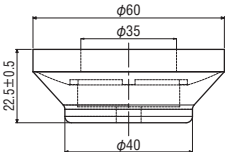
Kích thước giác hút		φ 10mm	φ 16mm
Nắp bịt chân giác hút			
Bản vẽ			
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	211024	211023
	MODEL	VAPH-SSC	VAPH-SC
	Trọng lượng	0.35g	1.70g
Áp dụng chân hút		Mini : VFIL-SS, hoặc VFILB-SSH ➔ 3-23,24,25,30	Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH ➔ 3-26,27,28,30

► Sử dụng giác hút tăng cho các sản phẩm góc cạnh có kích thước trung bình.

Kích thước giác hút	φ 12mm	φ 20mm	
Giác hút cao su (Free)			
Bản vẽ			
* Giá trị trong () biểu thị kích thước khi có lực hút. * Giá trị trong [] biểu thị kích thước của Silicone gia cố.			
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210280	210310
	MODEL	VAPH-12C-2	VAPH-20C-2
	Trọng lượng	1.1g	2.8g
Urethane (trắng sữa)	Mã đặt hàng.	210409	210410
	MODEL	VAPU-12C-2	VAPU-20C-2
	Trọng lượng	1.2g	3.0g
Fluorine (đen)	Mã đặt hàng.	210411	210412
	MODEL	VAPF-12C-2	VAPF-20C-2
	Trọng lượng	1.9g	4.3g
Nitrile (xanh lá)	Mã đặt hàng.	210802	210803
	MODEL	VAPN-12C-2	VAPN-20C-2
	Trọng lượng	1.5g	3.9g
Áp dụng chân hút	Mini : VFIL-SS, hoặc VFILB-SSH → 3-23,24,25,30	Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH → 3-26,27,28,30	

► Được sử dụng cho các chi tiết có bề mặt hút không bằng phẳng. (Sản phẩm có bề mặt hút có độ lồi lõm lớn.)

Kích thước giác hút		φ 14mm	φ 20mm	φ 30mm	φ 40mm
Giác hút cao su (EP sponge)					
Bản vẽ					
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210859	210860	210861	210862
	MODEL	VAPH-14C-EPSP	VAPH-20C-EPSP	VAPH-30C-EPSP	VAPH-40C-EPSP
	Trọng lượng	1.1g	2.8g	4.0g	6.4g
	Khả năng chịu nhiệt	80℃		80℃	
Áp dụng chân hút		Mini : VFIL-SS, VFILB-SSH ➔ 3-23,24,25,30		Small : VFIL-S, hoặc VFILB-SH ➔ 3-26,27,28,30	

Kích thước giác hút		φ 50mm	φ 60mm
Giác hút cao su (EP sponge)			
		※ Loại gắn vít	※ Loại gắn vít
Bản vẽ			
Silicone gia cố (nâu)	Mã đặt hàng.	210863	210864
	MODEL	VAPH-50F-EPSP	VAPH-60F-EPSP
	Trọng lượng	11.5g	18.2g
	Khả năng chịu nhiệt	80°C	
Áp dụng chân hút		Large : VFI-L, hoặc VFI-H → 3-29,31	

Các mục chú ý cho giác hút này

- Bảng dính hai mặt được sử dụng để dán vào tấm xốp EP sponge.
- Sử dụng keo silicon nếu độ bám dính thấp.
- Bảng dính hai mặt yếu khi lực căng xiên được thêm vào. Sử dụng bằng dính cho lực theo hướng thẳng đứng.
- Vì đây là vật liệu xốp nên kích thước thành phẩm có thể khác so với kích thước trong bản vẽ.



Phụ kiện cho giác hút cao su

Vui lòng sử dụng theo nhu cầu của bạn.

► Tấm khử tĩnh điện cho bề mặt giác hút

Kích thước giác hút	φ 12mm	φ 15mm	φ 20mm	φ 30mm	φ 40mm
Tấm SD (Loại bỏ tĩnh điện)					
Bản vẽ					
Mã đặt hàng.	271682	271683	282552	297701	300485
MODEL	12C-SD	15C-SD	20C-SD	30C-SD	40C-SD
Trọng lượng	1.0g	1.0g	1.0g	1.0g	1.0g
Khả năng chịu nhiệt	80°C				

* Sau khi gắn tấm SD, áp suất chân không có thể giảm khoảng 40%. * Dán bằng dính hai mặt.

► Tấm xốp EP Sponge được gắn vào đầu giác hút. Phù hợp cho các sản phẩm có bề mặt hút không bằng phẳng.

Kích thước giác hút	φ 14mm	φ 20mm	φ 30mm	φ 40mm	φ 50mm	φ 60mm
EP sponge (đen)						
Bản vẽ						
Mã đặt hàng.	271559	282010	294889	300386	310589	322949
MODEL	14C-EPSP	20C-EPSP	30C-EPSP	40C-EPSP	50C-EPSP	60C-EPSP
Trọng lượng	0.1g	0.2g	0.4g	0.7g	0.5g	1.2g
Khả năng chịu nhiệt	80°C					

* Vì đây là vật liệu xốp nên kích thước thành phẩm có thể khác so với kích thước trong bản vẽ.
* Để loại bỏ lớp phủ tấm xốp, vui lòng sử dụng mã số. 286172 "Dao cắt". (Vui lòng kiểm tra trang web để biết thông tin chi tiết.)

► Tấm bọt biển được gắn vào đầu của các giác hút (Bên dưới).

Kích thước giác hút	φ 40mm
Vòng Silicon Sponge (Nâu)	
Bản vẽ	
Mã đặt hàng.	072746
MODEL	40C-SP
Trọng lượng	1.0g
Khả năng chịu nhiệt	200°C

NEW



Dao cắt tấm trên

Mã đặt hàng.	286172
MODEL	209B

- Lý tưởng để loại bỏ lớp phủ của tấm xốp EP.
- Lò xo được tích hợp vào thân chính giúp duy trì áp lực của lưỡi dao không đổi, cho phép cắt ổn định.

Keo dán (Tấm Sponge)

Mã đặt hàng.	371759
MODEL	Adhesive Q 50G Clear #4888

- NET : 50ml
- Liên kết Silicon
- Sử dụng để dán tấm cao su.

NEW



Túi nhôm LAMIZIP

Mã đặt hàng.	002407
MODEL	AL-22

- Sử dụng sản phẩm này để lưu trữ giác hút.

Biện pháp phòng ngừa khi dán (Tấm SD, EP sponge)

- Sử dụng sản phẩm trong vòng một tháng sau khi mua. Lực dính của băng dính hai mặt sẽ giảm đáng kể sau khi lưu trữ trong thời gian dài. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng với keo silicon (371759 BATH BOND).
- Lau sạch bề mặt bằng etanol trước khi dán vào giác hút. Không chạm tay vào bề mặt.
- Giữ bề mặt keo dính có độ bám dính vừa đủ trong khoảng 24 giờ.
- Nếu lực kết dính yếu, vui lòng gia cố bằng keo silicon (371759 bath bond).
- Băng keo hai mặt yếu khi lực căng xiên được thêm vào. Sử dụng băng keo cho lực theo hướng thẳng đứng.

Biện pháp phòng ngừa khi dán Tấm Sponge

- Khi gắn vào miếng đệm, hãy lau bề mặt bằng etanol và dán bằng keo silicon (371759 Bathbond), chú ý không chạm tay vào bề mặt keo.

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ • Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ổng hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén / Cảm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch cộng tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Đồng linh kiện nhẹ

Khung Giác hút / Xi lanh nhựa / Tấm kẹp / Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển • Xếp Pallet / Kim loại tấm • Dập tấm • Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác



Giác hút cao su (Dạng tầng Fluorine /Kim loại tấm)

Vui lòng sử dụng theo nhu cầu của bạn.

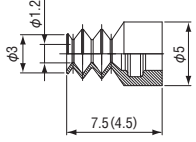
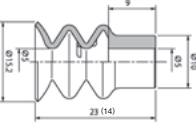
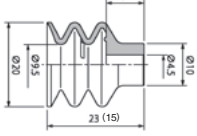
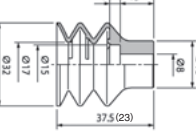
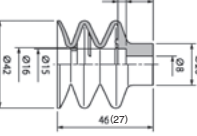
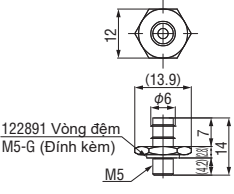
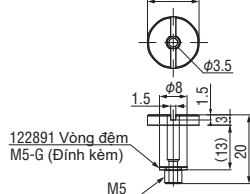
Fluorine

Vật liệu này có độ bền vượt trội, khả năng chịu nhiệt và hóa chất, giảm vết giác hút, đảm bảo tuổi thọ sử dụng lâu dài. Độ

Nitrile

bền tuyệt vời, khả năng chịu nhiệt và hóa chất, chủ yếu chống lại vết hút và có tuổi thọ sử dụng lâu dài.

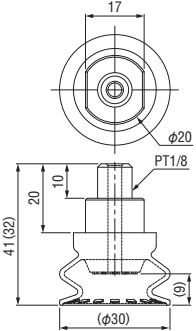
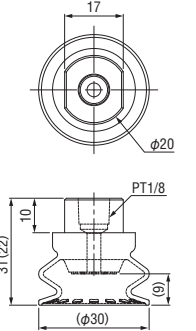
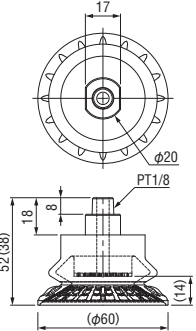
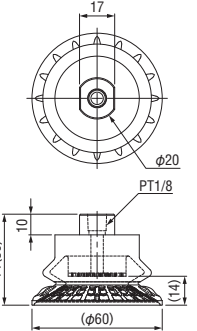
► Được sử dụng cho các sản phẩm có góc cạnh. Chịu nhiệt độ cao và giảm vết giác hút.

Kích thước giác hút	φ3mm	φ15mm	φ20mm	φ30mm	φ40mm
Giác hút cao su (Tầng Fluorine)					
Bản vẽ					
Fluorine (đen)	Mã đặt hàng.	211101	042042	042043	042044
	MODEL	VAPF-3C-3	EPCG-15-F	EPCG-20-F	EPCG-30-F
	Trọng lượng	0.1g	3g	4g	14g
Đầu gắn	Tên	Đầu chân hút • M5 • F or EPCG15/20			Đầu chân hút • M5 • F or EPCG30/40
	Mã đặt hàng.	211102			211103
	MODEL	VFILK-AH01			VFILK-AH02
	Trọng lượng	3.0g			8.0g
Bản vẽ					
Áp dụng chân hút	Micro : VFILB-M, MSH → 3-23,30			VFILB2-SH (Thay thế đầu gắn khi sử dụng) → 3-30	

* Khi sử dụng giác hút Fluorine φ 15 mm đến φ 40 mm, cần thiết gắn đầu hút chuyên dụng.

► Sử dụng để vận chuyển các tấm thép mỏng.

Các rãnh trên bề mặt hút của miếng đệm ngăn không cho tấm thép có dầu trượt sang một bên và tạo ra hiệu ứng đệm bằng cách bám theo phôi cong.

Kích thước giác hút	φ30mm		φ60mm	
Giác hút cao su (Kim loại tấm)				
Bản vẽ				
Fluorine (đen)	Mã đặt hàng.	210918	210919	210920
	MODEL	VAPNP-30C-1-M	VAPNP-30C-1-F	VAPNP-60C-1-M
	Trọng lượng	15.0g	12.0g	47.0g
	Đặc điểm của cao su	Khả năng chịu nhiệt : 8 5°C / Độ cứng Shore : 6 0		
Áp dụng chân hút	Large : VFI-L, hoặc VFIL-H → 3-29,31		Large : VFI-L, hoặc VFIL-H → 3-29,31	



Giác hút cao su (Chân không)

Lựa chọn từ danh sách các sản phẩm tùy theo nhu cầu của bạn.

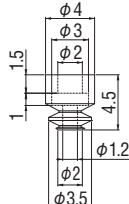
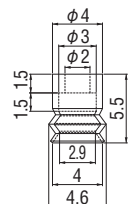
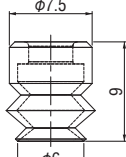
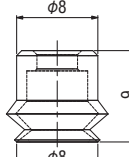
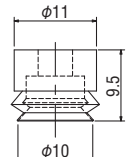
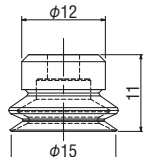
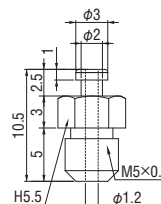
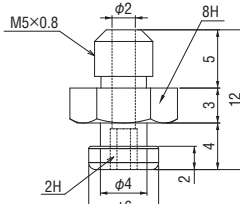
Silicone

Độ bền và khả năng chịu nhiệt tuyệt vời (250°C)

Fluorine

Vật liệu này có độ bền vượt trội, khả năng chịu nhiệt và hóa chất, giảm vết giác hút, đảm bảo tuổi thọ sử dụng lâu dài.

► Miệng của giác hút 2 tầng mỏng.

Kích thước giác hút		φ 2mm	φ 4mm	φ 6mm	φ 8mm	φ 10mm	φ 15mm
Giác hút (Chân không)							
	Bản vẽ						
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	 042095	 042096	042038	042039	042040	042041
	MODEL	EPJG-2-S	EPJG-4-S	EPJG-6-S	EPJG-8-S	EPJG-10-S	EPJG-15-S
	Trọng lượng	0.1g	0.1g	0.15g	0.25g	0.45g	1.0g
Fluorine (Đen)	Mã đặt hàng.	 042097	 042098	 042099	 042100	—	—
	MODEL	EPJG-2-F-RA	EPJG-4-F-RA	EPJG-6-F-RA	EPJG-8-F-RA	—	—
	Trọng lượng	0.1g	0.1g	0.2g	0.3g	—	—
Đầu hút chuyên dụng		 		 			
Bản vẽ							
Mã đặt hàng.		042111		042112			
MODEL		ETN-PS-2A-M5		ETN-PS-10-M5			
Trọng lượng		0.5g		0.8g			
Áp dụng chân hút		Dòng VFILB2-SSH, SH (tháo đầu gắn giác hút và sử dụng) ➔ 3-30					

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch cộng tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác



► Tính chất đệm tuyệt vời cho phép hút các sản phẩm không bằng phẳng!.

Hút ● Giác hút



Giác hút cao su (Túi)

Vui lòng sử dụng theo nhu cầu của bạn.

► Vận chuyển các phôi mềm và dạng túi với khả năng theo dõi và kẹp tuyệt vời.

Kiểu hình sao

Kích thước giác hút	φ 24mm (tương đương φ 20mm)	φ 40mm (tương đương φ 34mm)	φ 56mm (tương đương φ 48mm)
Giác hút (Túi)			
Bản vẽ			
Mã đặt hàng.	042108	042109	042110
MODEL	EPMG-24S-S4	EPMG-40S-S4	EPMG-56S-S4
Trọng lượng	2.5g	5.6g	20.3g
Áp dụng chân hút	① VFILA-PHA-1/8	② VFILA-PHB-1/8	③ VFILA-PHC-1/8

* Cần có đầu hút chuyên dụng để sử dụng giác hút.

Kiểu tăng hình sao

Kích thước giác hút	φ 24mm (tương đương φ 20mm)	φ 40mm (tương đương φ 34mm)	φ 56mm (tương đương φ 48mm)
Giác hút (Túi)			
Bản vẽ			
Mã đặt hàng.	042074	042075	042107
MODEL	EPMG-24L-S4	EPMG-40L-S4	EPMG-56L-S4
Trọng lượng	5.0g	10.0g	11.1g
Áp dụng chân hút	① VFILA-PHA-1/8	② VFILA-PHB-1/8	③ VFILA-PHC-1/8

* Cần có đầu hút chuyên dụng để sử dụng giác hút.

Loại phẳng tròn

Kích thước giác hút	φ 18mm	φ 25mm	φ 35mm
Giác hút (Túi)			
Bản vẽ			
Mã đặt hàng.	042104	042105	042106
MODEL	EPNG-132B-S4	EPNG-133B-S4	EPNG-134B-S4
Trọng lượng	0.5g	2.8g	3.3g
Áp dụng chân hút	① VFILA-PHA-1/8		

* Cần có đầu hút chuyên dụng để sử dụng giác hút.

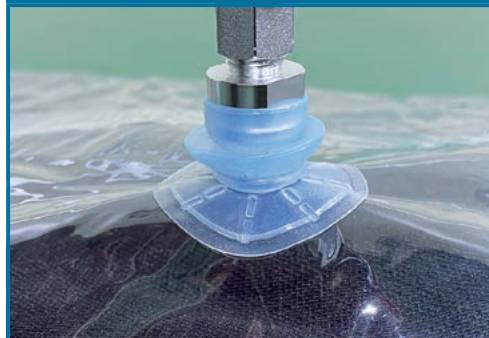
Đầu hút cho giác hút hình sao và hình tròn

Đầu hút ngoài	①	②	③
Đầu hút ngoài			
Bản vẽ			
Mã đặt hàng.	211114	211115	211116
MODEL	VFILA-PHA-1/8	VFILA-PHB-1/8	VFILA-PHC-1/8
Trọng lượng	4.0g	13.0g	18.0g
Áp dụng chân hút	VFILB-1/8, VFI-L, VFIL-H → ③-29,31		

Hình dạng mặt hút hình ngôi sao dễ dàng bám theo các phôi mềm hoặc phôi hình túi.



Cấu trúc mặt hút đặc biệt cho phép bám dính chặt chẽ



Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ • Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến /Bo mạch cộng tín hiệu AND

Bo mạch truyền thông PCIO

Đồng linh kiện nhệ

Khung Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp / Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm • Dập tấm • Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

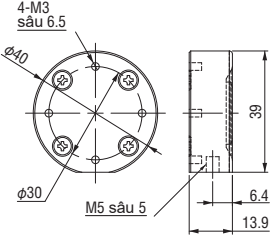
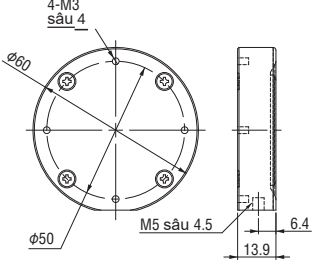
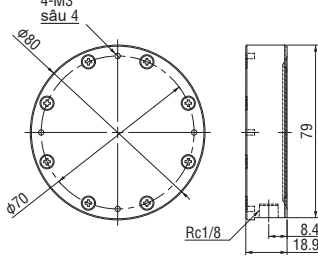
Thông tin sản phẩm khác



Giác hút không tiếp xúc

Vui lòng lựa chọn dựa trên 3 loại lực nâng.

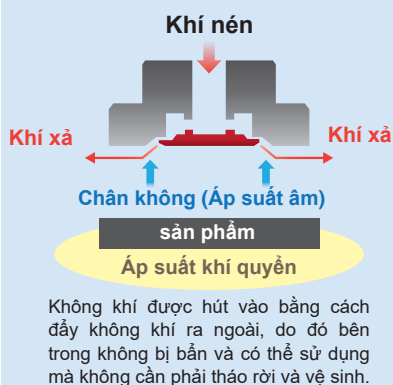
- ▶ Sản phẩm có thể được vận chuyển mà không cần tiếp xúc bằng cách bị hút bởi luồng khí xả ra với tốc độ cao.
- ▶ Vì không tiếp xúc với phôi nên nó vận chuyển phôi mà không để lại bất kỳ dấu hút hay hư hỏng nào.

Kích thước giác hút	φ 40mm	φ 60mm	φ 80mm
Giác hút không tiếp xúc			
Bản vẽ			
Mã đặt hàng.	042113	042114	042115
MODEL	ECOPS-40Y	ECOPS-60Y	ECOPS-80Y
Trọng lượng	26g	66g	147g

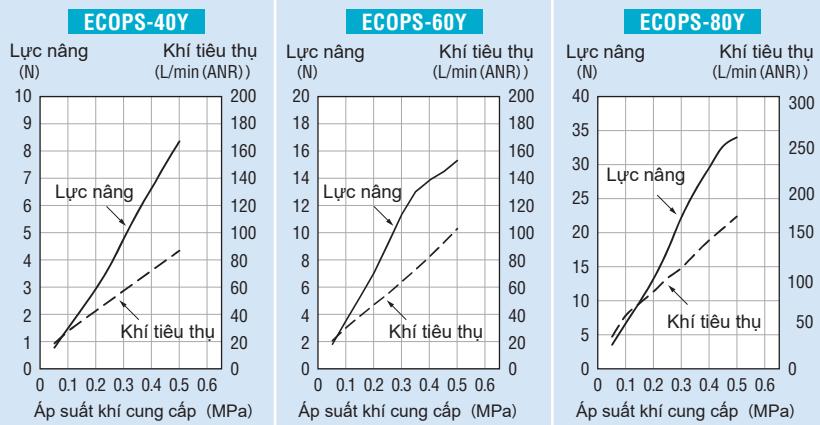
Thông số kỹ thuật

MODEL	Chất lỏng được sử dụng	Cổng nối khí	Áp suất khí (MPa)	Phạm vi nhiệt độ (°C)	Lực nâng (N)	Khí tiêu thụ (L/min (ANR))	Trọng lượng (g)
ECOPS-40Y	Khí (Khí không ăn mòn và không cháy)	M5	0.15 ~ 0.5	0 ~ 45 (Tuy nhiên, nó không đóng băng.)	8	88	26
ECOPS-60Y		Rc1/8			15	105	66
ECOPS-80Y					34	168	147

Sơ đồ nguyên lý



Biểu đồ hiệu suất





Giác hút kèm chân lắp (giác hút phẳng)

Loại cơ bản phẳng. Có loại silicon và loại không để lại vết Mark-free.

Silicone

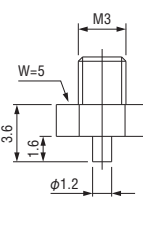
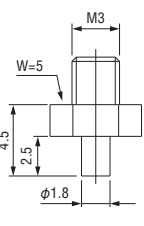
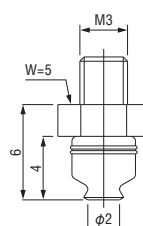
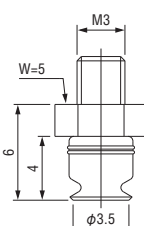
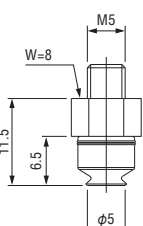
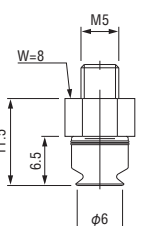
Độ bền và khả năng chịu nhiệt tuyệt vời (250°C).

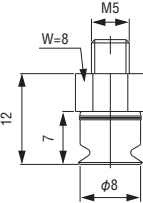
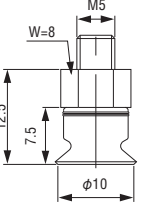
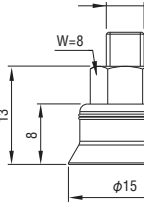
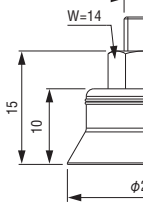
Mark-free

Sản phẩm có độ bền và khả năng chịu nhiệt lên đến 140°C, không để lại dấu vết khi hút.

• Bạn có thể sử dụng bằng cách tháo đầu gắn hút của chân hút không xoay (VFILB, VFILB2).

► Thích hợp để di chuyển các sản phẩm có bề mặt phẳng.

Kích thước giác hút	φ 1.2mm	φ 1.8mm	φ 2mm	φ 3.5mm	φ 5mm	φ 6mm
Giác hút phẳng						
Bản vẽ						
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	183823	183824	183825	183826	183827
	MODEL	SQN 1 SI-M3 M	SQN 1.5 SI-M3 M	SQN 2 SI-M3 M	SQN 3.5 SI-M3 M	SQN 5 SI-M5 M
	Trọng lượng	1.0g	1.0g	1.0g	1.0g	1.1g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	—	—	—	183797	183798
	MODEL	—	—	—	SQN 5 HT1-M5 M	SQN 6 HT1-M5 M
	Trọng lượng	—	—	—	1.1g	1.1g
Áp dụng chân hút	Micro : VFILB-M, MSH → 3-23,30				Chống xoay mini / small hoặc VFILB/VFILBR → 3-30,31	

Kích thước giác hút	φ 8mm	φ 10mm	φ 15mm	φ 20mm
Giác hút phẳng				
Bản vẽ				
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	183829	183830	183832
	MODEL	SQN 8 SI-M5 M	SQN 10 SI-M5 M	SQN 20 SI-M5 M
	Trọng lượng	1.2g	1.3g	5.6g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	183799	183800	183802
	MODEL	SQN 8 HT1-M5 M	SQN 10 HT1-M5 M	SQN 20 HT1-M5 M
	Trọng lượng	1.2g	1.3g	5.6g
Áp dụng chân hút	Chống xoay mini / small hoặc VFILB/VFILBR → 3-30,31			

Thay nhanh
bàn gấp

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công (Loại OM)

Thay
dụng cụ

Hệ thống
thay bàn gấp
tự động

Kẹp

Xi lanh
khí Mini

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Mini

Xi lanh khí
Container

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao
su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút
cao su

Chân lắp
giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp
chân không

Bộ phun khí /
Lọc khí / Van kiểm
tra

Gấp sản phẩm
siêu nhỏ

Bộ tạo chân
không

Cắt

Xi lanh cắt
(Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt
(Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình
chữ nhật

Vật liệu Nhôm
cơ bản

Bàn gấp
dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện
khí nén

Cảm biến /Bo
mạch công tín
hiệu AND

Bo mạch
truyền thông
PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút /
Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp
Cụm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển • Xếp Pallet /
Kim loại tấm • Dập tấm •
Gia công kim loại

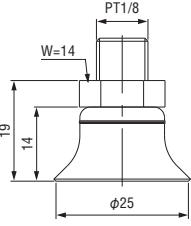
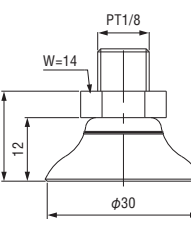
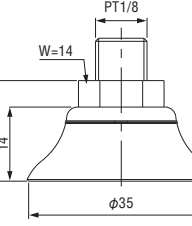
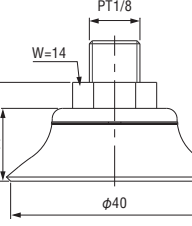
Dụng cụ lắp ráp

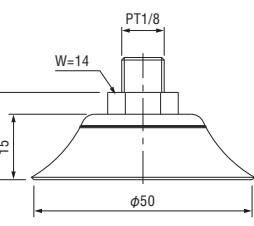
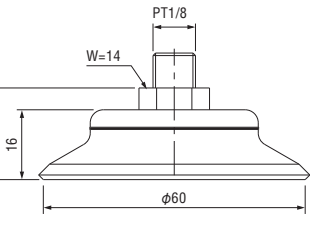
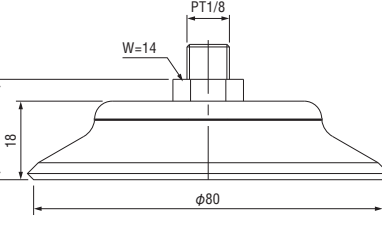
Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản
phẩm khác

Giác hút kèm chân lắp (giác hút phẳng)

Kích thước giác hút		φ 25mm	φ 30mm	φ 35mm	φ 40mm
Giác hút phẳng					
Bản vẽ					
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	183833	183834	183835	183836
	MODEL	SQN 25 SI-PT1/8 M	SQN 30 SI-PT1/8 M	SQN 35 SI-PT1/8 M	SQN 40 SI-PT1/8 M
	Trọng lượng	7.2g	7.9g	10.6g	12.2g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	183803	183804	183805	183806
	MODEL	SQN 25 HT1-PT1/8 M	SQN 30 HT1-PT1/8 M	SQN 35 HT1-PT1/8 M	SQN 40 HT1-PT1/8 M
	Trọng lượng	7.2g	7.9g	10.6g	12.2g
Áp dụng chân hút		Chống xoay cho small hoặc VFILB-1/8, large VFI-L, VFIL-H → 3-29,31			

Kích thước giác hút		φ 50mm	φ 60mm	φ 80mm
Giác hút phẳng				
Bản vẽ				
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	183837	183838	183839
	MODEL	SQN 50 SI-PT1/8 M	SQN 60 SI-PT1/8 M	SQN 80 SI-PT1/8 M
	Trọng lượng	15.3g	34.2g	62.5g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	183807	183808	183809
	MODEL	SQN 50 HT1-PT1/8 M	SQN 60 HT1-PT1/8 M	SQN 80 HT1-PT1/8 M
	Trọng lượng	15.3g	34.2g	62.5g
Áp dụng chân hút		Chống xoay small hoặc VFILB-1/8, large VFI-L, VFIL-H → 3-29,31		



Giác hút kèm chân lắp (dạng tầng/ 1.5 tầng)

Giác hút dạng tầng có tác dụng đệm và lý tưởng để vận chuyển các phôi không bằng phẳng.

Silicone

Độ bền và khả năng chịu nhiệt tuyệt vời (250°C).

Mark-free

Sản phẩm có độ bền và khả năng chịu nhiệt lên đến 140°C, không để lại dấu vết khi hút.

• Bạn có thể sử dụng bằng cách tháo đầu gắn hút của chân hút không xoay (VFILB, VFILB2).

Kích thước giác hút	φ 11mm	φ 13mm	φ 16mm	φ 19mm	φ 22mm	φ 24mm
Giác hút tầng 1.5-tầng						
Bản vẽ						
* Giá trị trong () biểu thị kích thước khi có lực hút.						
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	183874	183875	183876	183877	183994
	MODEL	SFSGA 11 SI-M5 M	SFSGA 14 SI-M5 M	SFSGA 16 SI-M5 M	SFSGA 20 SI-M5 M	SFSGA 25 SI-PT1/8 M
	Trọng lượng	2.0g	2.1g	2.3g	2.7g	6.4g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	183857	183858	183859	183860	183993
	MODEL	SFSGA 11 HT1-M5 M	SFSGA 14 HT1-M5 M	SFSGA 16 HT1-M5 M	SFSGA 20 HT1-M5 M	SFSGA 25 HT1-PT1/8 M
	Trọng lượng	2.0g	2.1g	2.3g	2.7g	6.4g
Áp dụng chân hút	Chống xoay mini/small hoặc VFILB/VFILBR → 3-30,31					Chống xoay small hoặc VFILB-1/8, large VFI-L, VFIL-H → 3-29,31

Kích thước giác hút	φ 33mm	φ 43mm	φ 53mm	φ 63mm
Giác hút tầng 1.5-tầng				
Bản vẽ				
* Giá trị trong () biểu thị kích thước khi có lực hút.				
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	183879	183880	183881
	MODEL	SFSGA 33 SI-PT1/8 M	SFSGA 43 SI-PT1/8 M	SFSGA 53 SI-PT1/8 M
	Trọng lượng	15.0g	18.0g	26.0g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	183862	183863	183864
	MODEL	SFSGA 33 HT1-PT1/8 M	SFSGA 43 HT1-PT1/8 M	SFSGA 53 HT1-PT1/8 M
	Trọng lượng	15.0g	18.0g	26.0g
Áp dụng chân hút	Chống xoay small hoặc VFILB-1/8, large VFI-L, VFIL-H → 3-29,31			

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch công tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhệ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác



Giác hút kèm chân lắp (dạng tầng/ 2.5 tầng)

Giác hút dạng tầng có tác dụng đệm và lý tưởng để vận chuyển các phôi không bằng phẳng.

Silicone

Độ bền và khả năng chịu nhiệt tuyệt vời (250°C).

Mark-free

Sản phẩm có độ bền và khả năng chịu nhiệt lên đến 140°C, không để lại dấu vết khi hút.

• Bạn có thể sử dụng bằng cách tháo đầu gắn hút của chân hút không xoay (VFILB, VFILB2).

Kích thước giác hút	φ 5.5mm	φ 6.5mm	φ 9.3mm	φ 12.7mm	φ 15mm	φ 18.5mm
Giác hút tầng 2.5-tầng						
Bản vẽ						
* Giá trị trong () biểu thị kích thước khi có lực hút.						
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	183909	183910	183911	183912	183913
	MODEL	SFSG 5 SI-M5 M	SFSG 7 SI-M5 M	SFSG 9 SI-M5 M	SFSG 12 SI-M5 M	SFSG 14 SI-M5 M
	Trọng lượng	1.5g	1.6g	1.8g	2.2g	2.6g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	—	—	183893	183894	183895
	MODEL	—	—	SFSG 9 HT1-M5 M	SFSG 12 HT1-M5 M	SFSG 14 HT1-M5 M
	Trọng lượng	—	—	1.8g	2.2g	2.6g
Áp dụng chân hút	Chống xoay mini/small hoặc VFILB/VFILBR → 3-30,31					

Kích thước giác hút	φ 20mm	φ 24.7mm	φ 32.6mm	φ 43.5mm	φ 52.5mm	φ 62.2mm
Giác hút tầng 2.5-tầng						
Bản vẽ						
* Giá trị trong () biểu thị kích thước khi có lực hút.						
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	183915	183916	183917	183918	183919
	MODEL	SFSG 20 SI-M5 M	SFSG 25 SI-PT1/8 M	SFSG 32 SI-PT1/8 M	SFSG 42 SI-PT1/8 M	SFSG 52 SI-PT1/8 M
	Trọng lượng	3.3g	8.0g	16.0g	26.0g	31.0g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	183897	183898	183899	—	—
	MODEL	SFSG 20 HT1-M5 M	SFSG 25 HT1-PT1/8 M	SFSG 32 HT1-PT1/8 M	—	—
	Trọng lượng	3.3g	8.0g	16.0g	26.0g	—
Áp dụng chân hút	Chống xoay mini/small hoặc VFILB, VFILBR → 3-30,31		Chống xoay small hoặc VFILB-1/8, large VFIL-L, VFIL-H → 3-29,31		Large, VFI-L, hoặc VFIL-H → 3-29,31	



Giác hút kèm chân lắp (giác hút Oval)

Giác hút Oval lý tưởng để vận chuyển các sản phẩm dài và mảnh.

Silicone

Độ bền và khả năng chịu nhiệt tuyệt vời (250°C).

Mark-free

Sản phẩm có độ bền và khả năng chịu nhiệt lên đến 140°C, không để lại dấu vết khi hút.

• Bạn có thể sử dụng bằng cách tháo đầu gắn hút của chân hút không xoay (VFILB, VFILB2).

Kích thước giác hút	2×4mm	3.5×7mm	5×15mm	6×18mm
Giác hút Oval				
Bản vẽ				
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	187222	187223	187224
	MODEL	SSGON-4*2-SI-65-M3-M	SSGON-7*3.5-SI-65-M3-M	SSGON-15*5-SI-65-M5-M
	Trọng lượng	2.0g	2.0g	3.4g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	183932	183933	183934
	MODEL	SSGON 2*4 HT1-M3 M	SSGON 3.5*7 HT1-M3 M	SSGON 5*15 HT1-M5 M
	Trọng lượng	2.0g	2.0g	3.7g
Áp dụng chân hút	Micro hoặc VFILB-M,MSH ➔ 3-23,30			Chống xoay mini/small hoặc VFILB/VFILBR ➔ 3-30,31

Kích thước giác hút	8×24mm	10×30mm	15×45mm
Giác hút Oval			
Bản vẽ			
Silicone (Trắng trong suốt)	Mã đặt hàng.	—	187225
	MODEL	—	SSGON-30*10-SI-65-PT1/8-M
	Trọng lượng	—	6.8g
Mark-free (Xanh dương)	Mã đặt hàng.	183936	183937
	MODEL	SSGON 8*24 HT1-PT1/8 M	SSGON 10*30 HT1-PT1/8 M
	Trọng lượng	6.7g	6.8g
Áp dụng chân hút	Chống xoay small hoặc VFILB-1/8, large VFI-L, VFI-L-H ➔ 3-29,31		

Thay nhanh
bàn gấp

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công (Loại OM)

Thay
dụng cụ

Hệ thống
thay bàn gấp
tự động

Kẹp

Xi lanh
khí Mini

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Mini

Xi lanh khí
Container

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao
su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút
cao su

Chân lắp
giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp
chân không

Bộ phụ khí /
Lọc khí / Van kiểm
tra

Gấp sản phẩm
siêu nhỏ

Bộ tạo chân
không

Cắt

Xi lanh cắt
(Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt
(Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình
chữ nhật

Vật liệu Nhôm
cơ bản

Bàn gấp
dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện
khí nén

Cảm biến /Bo
mạch cộng tín
hiệu AND

Bo mạch
truyền thông
PCIO

Dòng linh kiện nhẹ
Khung/ Giác hút /
Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp
Cụm chia khí

Theo ngành nghề
Vận chuyển - Xếp Pallet /
Kim loại tấm - Dập tấm -
Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp
Dụng cụ / Jig

Thông tin
Thông tin sản
phẩm khác



Giác hút kim loại tấm mỏng

Phù hợp vận chuyển tốc độ cao kim loại tấm có màng dầu.

► Lực giữ mạnh theo phương ngang. Tận dụng khả năng hút vượt trội do rãnh trên bề mặt hút cung cấp.

Kích thước giác hút	φ 33mm	φ 43mm	φ 53mm	φ 63mm
Giác hút cho kim loại tấm (gắn vít)				
Bản vẽ				
Mã đặt hàng.	187562	187563	187564	187565
MODEL	SSAXM-30-ED85-PT1/8AGJNT	SSAXM-40-ED85-PT1/8AGJNT	SSAXM-50-ED85-PT1/8AGJNT	SSAXM-60-ED85-PT1/8AGJNT
Lực giữ* ¹	39N	69N	109N	154N
Lực phương ngang (có dầu)* ²	41N	71N	110N	155N
Trọng lượng	23.2g	23.7g	36.3g	41.0g
Áp dụng chân hút	Chống xoay small hoặc VFILB-1/8, large VFI-L, VFIL-H → 3-29,31			

Kích thước giác hút	φ 83mm	φ 103mm	φ 118mm
Giác hút cho kim loại tấm (gắn vít)			
Bản vẽ			
Mã đặt hàng.	187566	187567	187568
MODEL	SSAXM-80-ED85-PT1/8AGJNT	SSAXM-100-ED85-PT1/8AGJNT	SSAXM-115-ED85-PT1/8AGJNT
Lực giữ* ¹	270N	412N	549N
Lực phương ngang (có dầu)* ²	269N	414N	584N
Trọng lượng	50.5g	89.8g	109.9g
Áp dụng chân hút	Chống xoay small hoặc VFILB-1/8, large VFI-L, VFIL-H → 3-29,31		

*1 Lực giữ trên được tính toán với phôi khô có bề mặt nhẵn (hướng thẳng đứng, áp suất chân không -60 kPa). Không bao gồm hệ số an toàn.
 *2 Lực ngang trên được tính toán với phôi khô/phủ dầu có bề mặt nhẵn (áp suất chân không -60 kPa). Giá trị thực tế có thể thay đổi tùy thuộc vào trạng thái bề mặt phôi. Hệ số an toàn không được bao gồm.

Đầu nối phía trên

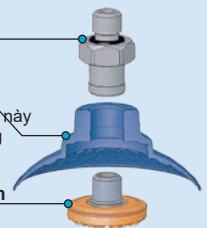
Đã gồm vòng đệm chống rò khí.

Giác hút cao su

Được cấu tạo từ Elastodur, vật liệu này có độ đàn hồi vượt trội và khả năng chống mài mòn đặc biệt.

Đầu nối mặt dưới có chân phanh

Ngăn chặn sản phẩm bị hút vào giác hút hoặc bị biến dạng.





Giác hút thay thế

Giác hút thay thế cho trang 3-15 ~ 3-19.

► Giác hút thay thế cho loại giác hút phẳng.

Trang	Mã đặt hàng.	MODEL	Vật liệu	Màu giác hút
3-15	183840	SQ 1 SI	silicone	Trong suốt
	183841	SQ 1.5 SI	silicone	Trong suốt
	183842	SQ 2 SI	silicone	Trong suốt
	183843	SQ 3.5 SI	silicone	Trong suốt
	183844	SQ 5 SI	silicone	Trong suốt
	183845	SQ 6 SI	silicone	Trong suốt
	183846	SQ 8 SI	silicone	Trong suốt
	183847	SQ 10 SI	silicone	Trong suốt
	183848	SQ 15 SI	silicone	Trong suốt
	183849	SQ 20 SI	silicone	Trong suốt
3-16	183850	SQ 25 SI	silicone	Trong suốt
	183851	SQ 30 SI	silicone	Trong suốt
	183852	SQ 35 SI	silicone	Trong suốt
	183853	SQ 40 SI	silicone	Trong suốt
	183854	SQ 50 SI	silicone	Trong suốt
	183855	SQ 60 SI	silicone	Trong suốt
	183856	SQ 80 SI	silicone	Trong suốt
3-15	183810	SQ 5 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183811	SQ 6 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183812	SQ 8 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183813	SQ 10 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183814	SQ 15 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183815	SQ 20 HT1	Mark-free	Xanh dương
3-16	183816	SQ 25 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183817	SQ 30 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183818	SQ 35 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183819	SQ 40 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183820	SQ 50 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183821	SQ 60 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183822	SQ 80 HT1	Mark-free	Xanh dương

► Giác hút thay thế cho loại giác hút Oval phẳng.

Trang	Mã đặt hàng.	MODEL	Vật liệu	Màu giác hút
3-19	187227	SSGO-4*2-SI-65	silicone	Trắng
	187228	SSGO-7*3.5-SI-65	silicone	Trắng
	187229	SSGO-15*5-SI-65	silicone	Trắng
	187230	SSGO-30*10-SI-65*	silicone	Trắng
	187231	SSGO-45*15-SI-65*	silicone	Trắng
3-19	183940	SSGO 2*4 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183941	SSGO 3.5*7 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183942	SSGO 5*15 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183943	SSGO 6*18 HT1*	Mark-free	Xanh dương
	183944	SSGO 8*24 HT1*	Mark-free	Xanh dương
	183945	SSGO 10*30 HT1*	Mark-free	Xanh dương
	183946	SSGO 15*45 HT1*	Mark-free	Xanh dương

* Kết hợp với chân gắn để cố định giác hút.

► Giác hút thay thế cho loại giác hút tầng. 1.5 tầng.

Trang	Mã đặt hàng.	MODEL	Vật liệu	Màu giác hút
3-17	183883	SFGA 11 SI	silicone	Trong suốt
	183884	SFGA 14 SI	silicone	Trong suốt
	183885	SFGA 16 SI	silicone	Trong suốt
	183886	SFGA 20 SI	silicone	Trong suốt
	183887	SFGA 22 SI	silicone	Trong suốt
	183888	SFGA 25 SI	silicone	Trong suốt
	183889	SFGA 33 SI	silicone	Trong suốt
	183890	SFGA 43 SI	silicone	Trong suốt
	183891	SFGA 53 SI	silicone	Trong suốt
	183892	SFGA 63 SI	silicone	Trong suốt
3-17	183865	SFGA 11 HT 1	Mark-free	Xanh dương
	183866	SFGA 14 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183867	SFGA 16 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183868	SFGA 20 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183869	SFGA 22 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183870	SFGA 25 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183871	SFGA 33 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183872	SFGA 43 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183873	SFGA 53 HT1	Mark-free	Xanh dương

► Giác hút thay thế cho loại giác hút tầng. 2.5 tầng.

Trang	Mã đặt hàng.	MODEL	Vật liệu	Màu giác hút
3-18	183921	SFG 5 SI	silicone	Trong suốt
	183922	SFG 7 SI	silicone	Trong suốt
	183923	SFG 9 SI	silicone	Trong suốt
	183924	SFG 12 SI	silicone	Trong suốt
	183925	SFG 14 SI	silicone	Trong suốt
	184085	SFG 18 SI	silicone	Trong suốt
	183926	SFG 20 SI	silicone	Trong suốt
	183927	SFG 25 SI	silicone	Trong suốt
	183928	SFG 32 SI	silicone	Trong suốt
	183929	SFG 42 SI	silicone	Trong suốt
3-18	183930	SFG 52 SI	silicone	Trong suốt
	183931	SFG 62 SI	silicone	Trong suốt
	183901	SFG 9 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183902	SFG 12 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183903	SFG 14 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183904	SFG 18 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183905	SFG 20 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183906	SFG 25 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183907	SFG 32 HT1	Mark-free	Xanh dương
	183908	SFG 42 HT1	Mark-free	Xanh dương

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch công tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung / Giác hút / Xi lanh nhựa / Tấm kẹp / Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác

Chân giác hút

Có thể lựa chọn theo kích thước giác hút để đảm bảo hút an toàn.



Micro

3-23



Mini

3-23



Small

3-26



Large

3-29



Mini

3-23



Small

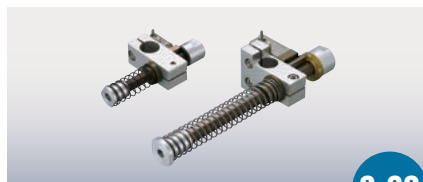
3-26

Chân giác hút bằng nhựa

Sử dụng thân hút bằng nhựa để giảm trọng lượng.

Cơ cấu khóa chân giác hút

Chân hút không quay. Chúng có hành trình dài, giữ cho bộ phận ở đúng vị trí tại xi lanh chặn.



3-32

Chân giác hút chống xoay

Đây là chân giác hút đa năng, không xoay và có thể lắp thêm giác hút đặc biệt.



Micro

3-30



Mini

3-30



Small

3-30



Ren 1/8

3-31

Chân giác hút chống xoay

Đây là chân giác hút đa năng, không xoay và có thể lắp thêm giác hút đặc biệt.



Điều chỉnh góc

3-31



Large

3-31



3-36



3-36



3-37



3-38

Loại cố định

Hãy gắn giác hút trên phía đầu.

Chân hút cho xi lanh Mini

Sử dụng khi cần gắn giác hút vào phía đầu xi lanh Mini.

Tám điều chỉnh

Điều chỉnh độ cao cho chân giác hút.

Tám chỉnh góc độ chân hút

Góc có thể được điều chỉnh cho phù hợp với hình dạng của phôi.

Giá trị hằng số lò xo của chân giác hút

Số.	MODEL	Hằng số lò xo (N/mm)	Lực nén lò xo (N)
1	VFILB-M/VFILB-M-P8	0.29	2.62
2	VFILB2-SSH/VFILB2-SSH-P12/ VFILB2-SH/VFILB2-SH-P12/ VFILB2-SH1/8/VFILB2-SH1/8-P12	0.65	7.76
3	VFILB2-SSH-20/VFILB2-SSH-20-P12/ VFILB2-SH-20/VFILB2-SH-20-P12/ VFILB2-SH1/8-20/VFILB2-SH1/8-20-P12	0.50	12.10
4	VFIL-H	0.80	16.87
5	VFIL1-SS-5/VFIL2-SS-5-P8/ VFIL2-SS-5-P12	0.50	3.99
6	VFIL1-SS-10/VFIL2-SS-10-P8/ VFIL2-SS-10-P12	0.25	3.99
7	VFIL1-SS-20/VFIL2-SS-20-P8/ VFIL2-SS-20-P12	0.17	4.16

* Hằng số lò xo. Lực lò xo trong quá trình nén là giá trị tham chiếu.

Số.	MODEL	Hằng số lò xo (N/mm)	Lực nén lò xo (N)
8	VFIL1-SS-30/VFIL2-SS-30-P8/ VFIL2-SS-30-P12	0.12	4.49
9	VFIL-S-5A/VFIL1-S-5-P12/ VFIL1-S-5-P20	0.27	2.46
10	VFIL-S-10A/VFIL1-S-10-P12/ VFIL1-S-10-P20	0.16	2.63
11	VFIL-S-20A/VFIL1-S-20-P12/ VFIL1-S-20-P20	0.11	2.81
12	VFIL-S-30A/VFIL1-S-30-P12/ VFIL1-S-30-P20	0.08	2.91
13	VFI-L-20-M17/VFI-L-20-P20	1.11	28.96
14	VFI-L-50-M17/VFI-L-50-P20	0.67	37.43
15	VFI-L-100-M22	0.19	19.81



Chân giác hút (Micro/Mini)



Có thể kết nối trực tiếp với các linh kiện dòng jungle gym.

Có thể lựa chọn theo kích thước giác hút để đảm bảo hút an toàn.

● Giác hút được bán riêng. ● Phương thức cố định giác hút : được tích hợp

Chân giác hút (micro)		
Bản vẽ		
Mã đặt hàng.	210785	210818
MODEL	VFILB-M	VFILB-M-P8
Trọng lượng	5g	6g
Ổng khí/Lắp đặt	$\phi 4$ / M6 P=0.75	$\phi 4$ / $\phi 8$
Giác hút áp dụng	VAPH-4 (6) M $\Rightarrow$ 3-4 / VAPH (F) -3C-3 $\Rightarrow$ 3-6,10 / $\phi 1.2 \sim 3.5 \Rightarrow$ 3-15	



Đầu gắn chân hút/M3, micro

Mã đặt hàng.	131316
MODEL	N01891-201
- Trọng lượng : 1 g - W/ vòng đệm - Target: Chân giác hút (micro), chân giác hút chống xoay (micro)	

Chân giác hút (Mini)			
Bản vẽ (5st)			
Mã đặt hàng.	211029	211030	211031
MODEL	VFIL1-SS-5	VFIL2-SS-5-P8	VFIL2-SS-5-P12
Trọng lượng	14g	9g	13g
Ổng khí/Lắp đặt	$\phi 6$ / M10 P=1.0	$\phi 6$ / $\phi 8$	$\phi 6$ / $\phi 12$
Giác hút áp dụng	$\phi 4 \sim 14 \Rightarrow$ 3-4,7,8 / TR-1062-1M $\sim 4M \Rightarrow$ 3-6 / $\phi 1.2 \sim 3.5 \Rightarrow$ 3-15		

Chân giác hút nhựa (Mini)			
Bản vẽ (5st)			
Mã đặt hàng.	211109	211105	211144
MODEL	VFILP-SS-5	VFILP-SS-5-P12	VFILPL-SS-5
Trọng lượng	9g	4g	4.8g
Ổng khí/Lắp đặt	$\phi 6$ / M10 P=1.0	$\phi 6$ / $\phi 12$	$\phi 6$ / M10 P=1.0
Giác hút áp dụng	$\phi 4 \sim 14 \Rightarrow$ 3-4,7,8 / TR-1062-1M $\sim 4M \Rightarrow$ 3-6		

*1 Khi cố định, vui lòng đẩy nó vào hết phần đế.

*2 Cần thận trọng vận chuyển đai ốc quá chặt. (Mô-men xoắn siết chặt khuyến nghị: 0.8 ~ 1.0N · m).

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ổng hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch công tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Đồng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

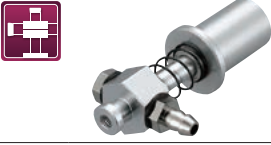
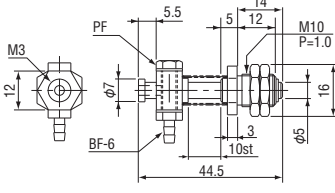
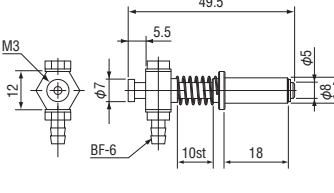
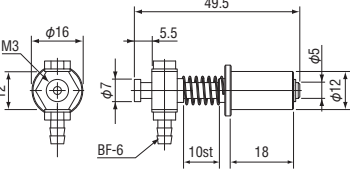
Thông tin sản phẩm khác

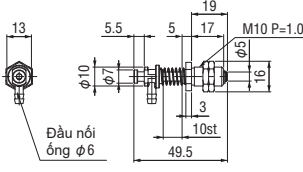
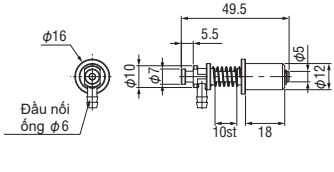
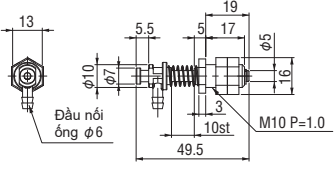


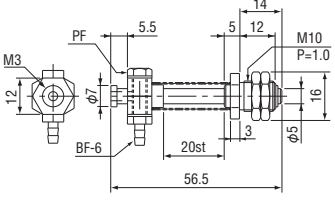
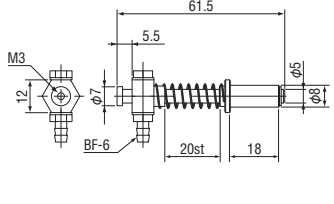
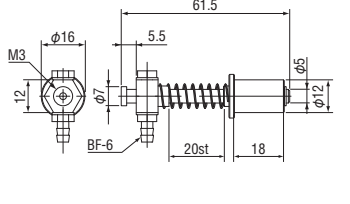
Chân giác hút (Mini)

Có thể lựa chọn theo kích thước giác hút để đảm bảo hút an toàn.

● Giác hút được bán riêng. ● Phương thức cố định giác hút : được tích hợp

Chân giác hút (Mini)			
Bản vẽ (10st)			
Mã đặt hàng.	211032	211033	211034
MODEL	VFIL1-SS-10	VFIL2-SS-10-P8	VFIL2-SS-10-P12
Trọng lượng	15g	9g	14g
Ống khí/Lắp đặt	$\phi 6 / M10 P=1.0$	$\phi 6 / \phi 8$	$\phi 6 / \phi 12$
Giác hút áp dụng	$\phi 4 \sim 14 \Rightarrow 3-4,7,8 / TR-1062-1M \sim 4M \Rightarrow 3-6 / \phi 1.2 \sim 3.5 \Rightarrow 3-15$		

Chân giác hút nhựa (Mini)			
Bản vẽ (10st)			
Mã đặt hàng.	211110	211106	211145
MODEL	VFILP-SS-10	VFILP-SS-10-P12	VFILPL-SS-10
Trọng lượng	9g	4g	5.1g
Ống khí/Lắp đặt	$\phi 6 / M10 P=1.0$	$\phi 6 / \phi 12$	$\phi 6 / M10 P=1.0$
Giác hút áp dụng	$\phi 4 \sim 14 \Rightarrow 3-4,7,8 / TR-1062-1M \sim 4M \Rightarrow 3-6$		

Chân giác hút (Mini)			
Bản vẽ (20st)			
Mã đặt hàng.	211035	211036	211037
MODEL	VFIL1-SS-20	VFIL2-SS-20-P8	VFIL2-SS-20-P12
Trọng lượng	15g	10g	14g
Ống khí/Lắp đặt	$\phi 6 / M10 P=1.0$	$\phi 6 / \phi 8$	$\phi 6 / \phi 12$
Giác hút áp dụng	$\phi 4 \sim 14 \Rightarrow 3-4,7,8 / TR-1062-1M \sim 4M \Rightarrow 3-6 / \phi 1.2 \sim 3.5 \Rightarrow 3-15$		

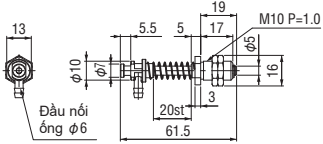
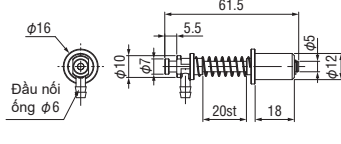
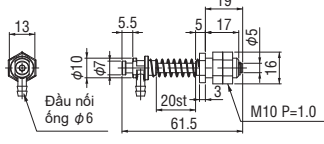
*1 Khi cố định, vui lòng đẩy nó vào hết phần đế.

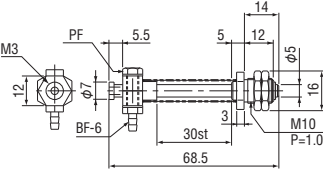
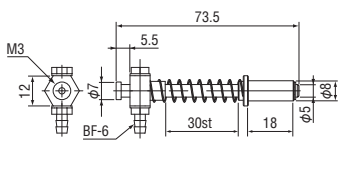
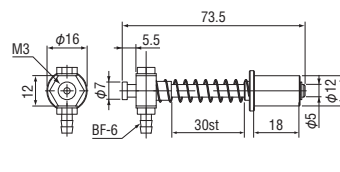
*2 Cần thận không vặn chặt đai ốc quá chặt. (Mô-men xoắn siết chặt khuyến nghị: $0.8 \sim 1.0N \cdot m$).

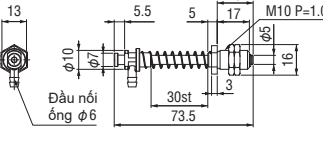
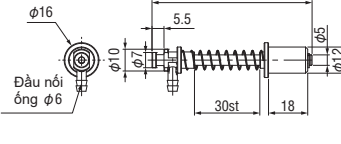
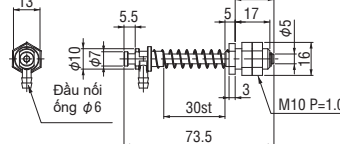


Có thể kết nối trực tiếp với các
linh kiện dòng jungle gym .

● Giác hút được bán riêng. ● Phương thức cố định giác hút : được tích hợp

Chân giác hút nhựa (Mini)			* 1 NEW		* 2
Bản vẽ (20st)					
Mã đặt hàng.	211111	211107		211146	
MODEL	VFILP-SS-20	VFILP-SS-20-P12		VFILPL-SS-20	
Trọng lượng	10g	6g		5.85g	
Ống khí/Lắp đặt	φ6 / M10 P=1.0	φ6 / φ12		φ6 / M10 P=1.0	
Giác hút áp dụng	φ4 ~ 14 ⇒ 3-4.7.8 / TR-1062-1M ~ 4M ⇒ 3-6				

Chân giác hút (Mini)			
Bản vẽ (30st)			
Mã đặt hàng.	211038	211039	211040
MODEL	VFIL1-SS-30	VFIL2-SS-30-P8	VFIL2-SS-30-P12
Trọng lượng	17g	11g	15g
Ống khí/Lắp đặt	φ6 / M10 P=1.0	φ6 / φ8	φ6 / φ12
Giác hút áp dụng	φ4 ~ 14 ⇒ 3-4.7.8 / TR-1062-1M ~ 4M ⇒ 3-6 / φ1.2 ~ 3.5 ⇒ 3-15		

Chân giác hút nhựa (Mini)			* 1 NEW		* 2
Bản vẽ (30st)					
Mã đặt hàng.	211112	211108		211147	
MODEL	VFILP-SS-30	VFILP-SS-30-P12		VFILPL-SS-30	
Trọng lượng	11g	7g		6.4g	
Ống khí/Lắp đặt	φ6 / M10 P=1.0	φ6 / φ12		φ6 / M10 P=1.0	
Giác hút áp dụng	φ4 ~ 14 ⇒ 3-4.7.8 / TR-1062-1M ~ 4M ⇒ 3-6				

*1 Khi cố định, vui lòng đẩy chân hút vào hết phần đế.

*2 Cần thận không vặn chặt đai ốc quá chặt. (Mô-men xoắn siết chặt khuyến nghị: 0,8 ~ 1,0N · m) .

Thay nhanh
bàn gấp

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công (Loại OM)

Thay
dụng cụ

Hệ thống
thay bàn gấp
tự động

Kẹp

Xi lanh
khí Mini

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Mini

Xi lanh khí
Container

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao
su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút
cao su

Chân lắp
giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp
chân không

Bộ phun khí /
Lọc khí / Van kiểm
tra

Gấp sản phẩm
siêu nhỏ

Bộ tạo chân
không

Cắt

Xi lanh cắt
(Nhỏ · Vừa)

Xi lanh cắt
(Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình
chữ nhật

Vật liệu Nhôm
cơ bản

Bàn gấp
dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện
khí nén

Cảm biến /Bo
mạch công tín
hiệu AND

Bo mạch
truyền thông
PCIO

Đồng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút /
Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp
Cụm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển · Xếp Pallet /
Kim loại tấm · Dập tấm ·
Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản
phẩm khác



Chân giác hút (Small)

Có thể lựa chọn theo kích thước giác hút để đảm bảo hút an toàn.

● Giác hút được bán riêng. ● Phương thức cố định giác hút : được tích hợp

Chân giác hút (small)			
Bản vẽ (5st)			
Mã đặt hàng.	210974	211006	211007
MODEL	VFIL-S-5A	VFIL1-S-5-P12	VFIL1-S-5-P20
Trọng lượng	20g	15g	22g
Ống khí/Lắp đặt	φ 6 / M12 P=1.0	φ 6 / φ 12	φ 6 / φ 20
Giác hút áp dụng	φ 15 ~ 45 → 3-4,5,6,7,8 / TR-1062-1 ~ 4 → 3-6 / loại SQN φ5 ~ 22 → 3-17,18		

Chân giác hút nhựa (small)			
Bản vẽ (5st)			
Mã đặt hàng.	211097	211092	211148
MODEL	VFILP-S-5	VFILP-S-5-P12	VFILPL-S-5
Trọng lượng	16g	7g	8.35g
Ống khí/Lắp đặt	φ 6 / M12 P=1.0	φ 6 / φ 12	φ 6 / M12 P=1.0
Giác hút áp dụng	φ 15 ~ 45 → 3-4,5,6,7,8 / TR-1062-1 ~ 4 → 3-6		

Chân giác hút (small)			
Bản vẽ (10st)			
Mã đặt hàng.	210975	211008	211009
MODEL	VFIL-S-10A	VFIL1-S-10-P12	VFIL1-S-10-P20
Trọng lượng	21g	16g	29g
Ống khí/Lắp đặt	φ 6 / M12 P=1.0	φ 6 / φ 12	φ 6 / φ 20
Giác hút áp dụng	φ 15 ~ 45 → 3-4,5,6,7,8 / TR-1062-1 ~ 4 → 3-6 / SQN φ5 ~ 22 → 3-17,18		

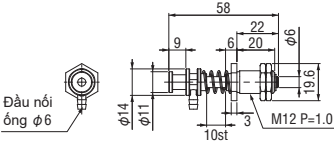
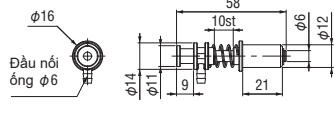
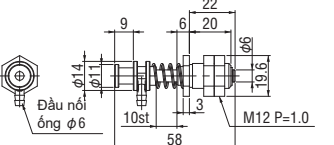
*1 Khi cố định, vui lòng đẩy chân hút vào hết phần đế.

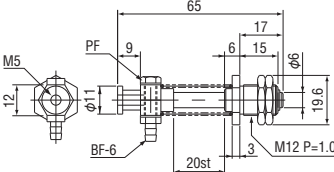
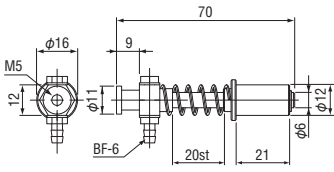
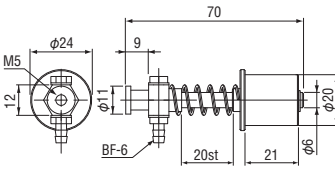
*2 Cần thận không vặn chặt đai ốc quá chặt. (Mô-men xoắn siết chặt khuyến nghị: 0,8 ~ 1,0N · m).

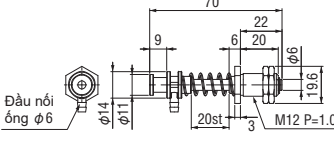
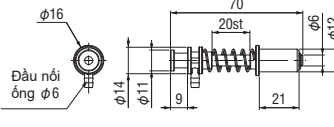
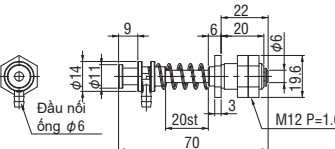


Có thể kết nối trực tiếp với các
linh kiện dòng jungle gym .

● Giác hút được bán riêng. ● Phương thức cố định giác hút : được tích hợp

Chân giác hút nhựa (small)			* 1 NEW		* 2
Bản vẽ (10st)					
Mã đặt hàng.	211098	211093		211149	
MODEL	VFILP-S-10	VFILP-S-10-P12		VFILPL-S-10	
Trọng lượng	16g	7g		8.85g	
Ống khí/Lắp đặt	φ6 / M12 P=1.0	φ6 / φ12		φ6 / M12 P=1.0	
Giác hút áp dụng	φ15 ~ 45 → 3-4,5,6,7,8 / TR-1062-1 ~ 4 → 3-6				

Chân giác hút (small)			
Bản vẽ (20st)			
Mã đặt hàng.	210976	211010	211011
MODEL	VFIL-S-20A	VFIL1-S-20-P12	VFIL1-S-20-P20
Trọng lượng	22g	18g	31g
Ống khí/Lắp đặt	φ6 / M12 P=1.0	φ6 / φ12	φ6 / φ20
Giác hút áp dụng	φ15 ~ 45 → 3-4,5,6,7,8 / TR-1062-1 ~ 4 → 3-6 / SQN φ5 ~ 22 → 3-17,18		

Chân giác hút nhựa (small)			* 1 NEW		* 2
Bản vẽ (20st)					
Mã đặt hàng.	211099	211094		211150	
MODEL	VFILP-S-20	VFILP-S-20-P12		VFILPL-S-20	
Trọng lượng	17g	8g		9.7g	
Ống khí/Lắp đặt	φ6 / M12 P=1.0	φ6 / φ12		φ6 / M12 P=1.0	
Giác hút áp dụng	φ15 ~ 45 → 3-4,5,6,7,8 / TR-1062-1 ~ 4 → 3-6				

*1 Khi cố định, vui lòng đẩy nó chân hút vào hết phần đế.

*2 Cần thận không vặn chặt đai ốc quá chặt. (Mô-men xoắn siết chặt khuyến nghị: 0,8 ~ 1,0N · m) .

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công (Loại OM)

Thay
dụng cụ

Hệ thống
thay bàn gấp
tự động

Kẹp

Xi lanh
khí Mini

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Mini

Xi lanh khí
Container

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao
su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút
cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp
chân không

Bộ phun khí /
Lọc khí / Van kiểm
tra

Gấp sản phẩm
siêu nhỏ

Bộ tạo chân
không

Cắt

Xi lanh cắt
(Nhỏ · Vừa)

Xi lanh cắt
(Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Lel's Joint

Ống hình
chữ nhật

Vật liệu Nhôm
cơ bản

Bàn gấp
dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện
khí nén

Cảm biến /Bo
mạch cộng tín
hiệu AND

Bo mạch
truyền thông
PCIO

Đồng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút /
Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp /
Cụm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển · Xếp Pallet /
Kim loại tấm · Dập tấm ·
Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản
phẩm khác

Chân giác hút (Small)/ Vòng đệm côn



Có thể kết nối trực tiếp với các linh kiện dòng jungle gym.

● Giác hút được bán riêng. ● Phương thức cố định giác hút : được tích hợp

Chân giác hút (small)			
Bản vẽ (30st)			
Mã đặt hàng.	210977	211012	211013
MODEL	VFIL-S-30A	VFIL1-S-30-P12	VFIL1-S-30-P20
Trọng lượng	24g	19g	32g
Ống khí/Lắp đặt	φ6 / M12 P=1.0	φ6 / φ12	φ6 / φ20
Giác hút áp dụng	φ15 ~ 45 ⇒ 3-4,5,6,7,8 / TR-1062-1 ~ 4 ⇒ 3-6 / SQN φ5 ~ 22 ⇒ 3-17,18		

Chân giác hút nhựa (small)			
Bản vẽ (30st)			
Mã đặt hàng.	211100	211095	211151
MODEL	VFILP-S-30	VFILP-S-30-P12	VFILPL-S-30
Trọng lượng	18g	9g	10.5g
Ống khí/Lắp đặt	φ6 / M12 P=1.0	φ6 / φ12	φ6 / M12 P=1.0
Giác hút áp dụng	φ15 ~ 45 ⇒ 3-4,5,6,7,8 / TR-1062-1 ~ 4 ⇒ 3-6		

*1 Khi cố định, vui lòng đẩy chân hút vào hết phần đế.

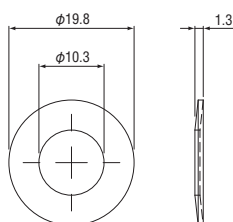
*2 Cần thận không vặn chặt đai ốc quá chặt. (Mô-men xoắn siết chặt khuyến nghị: 0,8 ~ 1,0N · m) .



Vòng đệm côn (mini)

Mã đặt hàng.	371362
MODEL	φ10 vòng đệm côn cho VFIL-SS

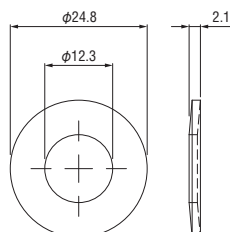
- Sử dụng khi cố định thân hút vào tấm.
- Target: chân giác hút (mini), chân giác hút chống xoay (mini, small).

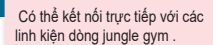


Vòng đệm côn (small)

Mã đặt hàng.	370244
MODEL	φ12 vòng đệm côn cho VFIL-S

- Sử dụng khi cố định thân hút vào tấm.
- Target: chân giác hút (small)





Có thể thay đổi đầu gắn cho chân giác hút.

- Giác hút cao su được bán riêng.
- Đầu gắn giác hút có thể tháo rời.

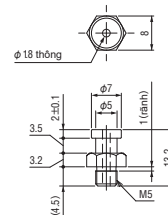
▶ Option cho VFILB-SSH



Đầu gắn chân giác hút M5 mini

Mã đặt hàng.	131208
MODEL	N01892-201

- Ren lắp đặt M5
- W/ vòng đệm



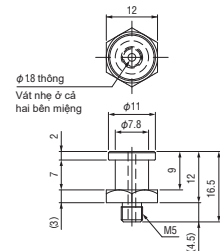
▶ Option cho VFILB-SH



Đầu gắn chân giác hút M5 small

Mã đặt hàng.	131209
MODEL	N01892-301

- Ren lắp đặt M5
- W/ vòng đệm

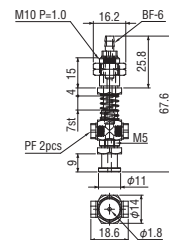
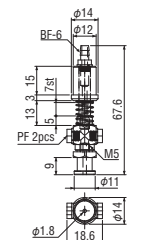
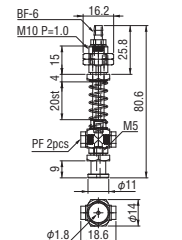
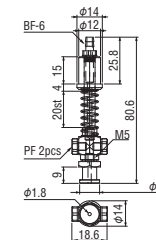


* Xem **3-23** để biết thêm chi tiết về đầu gắn chân giác hút M3 micro.



M5



Chân giác hút chống xoay (small)				
Bản vẽ				
Mã đặt hàng.	211045	211046	211047	211048
MODEL	VFILB2-SH	VFILB2-SH-P12	VFILB2-SH-20	VFILB2-SH-20-P12
Trọng lượng	32g	25g	35g	27g
Ống khí/Lắp đặt	φ6 / M10 P=1.0	φ6 / φ12	φ6 / M10 P=1.0	φ6 / φ12
Giác hút áp dụng	φ5 ~ 45 → 3-4.5.6.7.8 / TR-1062-1 ~ 4 → 3-6 / SQN φ5 ~ 22 → 3-15.17.18			

* Hãy tháo đầu giác hút khi sử dụng giác hút có gắn vít..



Chân giác hút có cơ cấu khóa cơ khí



Có thể kết nối trực tiếp với các linh kiện dòng jungle gym.

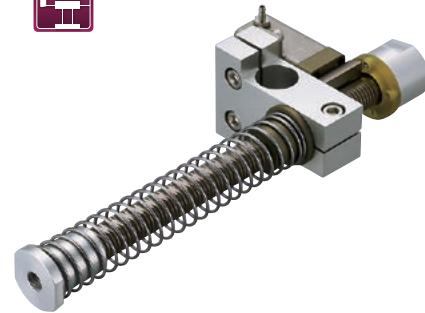
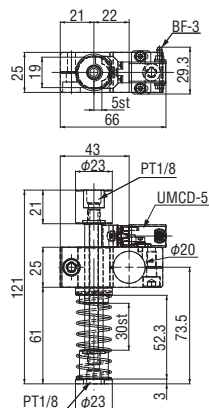
Chân giác hút chống xoay. Nó có hành trình dài và được giữ cố định bằng một xi lanh chặn.



Chân giác hút gắn khóa cơ khí 50mm

Mã đặt hàng.	110556
MODEL	L10761-200

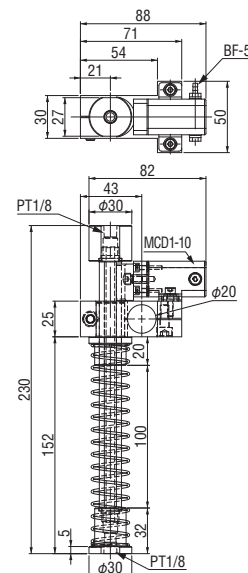
- Trọng lượng : 2 00g
 - Ống khí : $\phi 6$ (RBF-6-6) và BF-6 (6-5) là cần thiết
 - Lắp đặt : $\phi 20$
- * Bên cạnh đường ống cho giác hút, cần thêm đường ống riêng cho xi lanh chặn.



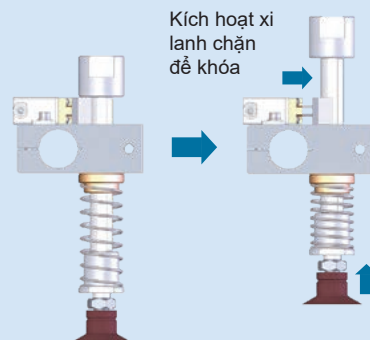
Chân giác hút gắn khóa cơ khí 100mm

Mã đặt hàng.	110565
MODEL	L10761-100

- Trọng lượng : 5 60g
 - Ống khí : $\phi 6$ (RBF-6-6) và BF-6 (6-5) là cần thiết
 - Lắp đặt : $\phi 20$
- * Bên cạnh đường ống cho giác hút, cần thêm đường ống riêng cho xi lanh chặn.



Bản vẽ tham khảo



Đầu gắn chân hút, small

Mã đặt hàng.	230066
MODEL	XL0037-106

- Trọng lượng : 5 g
- Target: Chân giác hút (large), Chân giác hút chống xoay (dòng 1/8), Chân giác hút chống xoay (large)



Đầu gắn chân hút, loại gắn vít

Mã đặt hàng.	230067
MODEL	XL0037-103

- Trọng lượng : 1 0g
- Target: Chân giác hút (large), Chân giác hút chống xoay (dòng 1/8), Giác hút chống xoay (large)



Đầu gắn chân giác hút

Hãy gắn vào giác hút để sử dụng.

	M3, micro	M5, mini	M5, small	PT1/8 • small	Loại gắn vít
Đầu gắn giác hút					
Bản vẽ					
Mã đặt hàng.	131316	131208	131209	230066	230067
MODEL	N01891-201	N01892-201	N01892-301	XL0037-106	XL0037-103
Trọng lượng	1.0g	3.1g	7.8g	5.0g	10g
Ông khí/Lắp đặt	M3	M5	M5	PT1/8	PT1/8
Giác hút áp dụng	VAPH-4M,6M / VAPH-3C-3 / VAPF-3C-3	VAPH,VAPU,VAPF,VAPN $\phi 4 \sim 14$ / TR,TRN-1062-1M ~ 4 M	VAPH,VAPU,VAPF,VAPN $\phi 15 \sim 45$ / TR,TRN-1062-1 ~ 4		VAPH,VAPU,VAPF,VAPN $\phi 50$ hoặc cao hơn

	M5 • Cho EPCG15/20	M5 • Cho EPCG30/40	M5(cho giác hút chân không)	M5(cho giác hút chân không)
Đầu gắn giác hút				
Bản vẽ				
Mã đặt hàng.	211102	211103	042111	042112
MODEL	VFILK-AH01	VFILK-AH02	ETN-PS-2A-M5	ETN-PS-10-M5
Trọng lượng	3.0g	8.0g	0.5g	0.8g
Ông khí/Lắp đặt	M5	M5	M5	M5
Giác hút áp dụng	EPCG-15,20	EPCG-30,40	EPCG-3 / EPJG-2,4	EPJG-6,8,10,15

	Cho PT1/8 A (Cho túi, đa tầng)	Cho PT1/8 B (Cho túi, đa tầng)	Cho PT1/8 C (Cho túi, đa tầng)	Cho PT1/8 D (Cho túi, đa tầng)
Đầu gắn giác hút				
Bản vẽ				
Mã đặt hàng.	211114	211115	211116	211117
MODEL	VFILA-PHA-1/8	VFILA-PHB-1/8	VFILA-PHC-1/8	VFILA-PHD-1/8
Trọng lượng	4.0g	13.0g	18.0g	34.0g
Ông khí/Lắp đặt	M3	M5	M5	PT1/8
Giác hút áp dụng	EPLG-15,20 / EPMG-24 / EPNG-132B,133B,134B	EPLG-30 / EPMG-40	EPLG-40 / EPMG-56	EPLG-50

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ • Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ông hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cầm biến

Linh kiện khí nén

Cầm biến /Bo mạch cộng tín hiệu AND

Bo mạch truyền thông PCIO

Đồng linh kiện nhẹ

Khung Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp / Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển • Xếp Pallet / Kim loại tấm • Dập tấm • Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác



Chân giác hút ↔ Bảng lựa chọn giác hút

Vui lòng chọn sản phẩm mục tiêu từ kích cỡ giác hút và chân lắp giác hút.

		Chân giác hút				Chân giác hút chống xoay					
○ : Có thể lắp × : Không thể lắp	Tấm đỡ	Chân giác hút (micro) VFILB-M	Chân giác hút (mini) VFIL-SS VFILP-SS	Chân giác hút (small) VFIL-S VFILP-S	Chân giác hút (large) VFI-L	Chân hút chống xoay (micro) VFILB-MSH	Chân hút chống xoay (mini) VFILB2-SSH	Chân hút chống xoay (small) VFILB2-SH	Chân hút chống xoay mini (1/8) VFILB2-SH	Chân hút chống xoay (điều chỉnh góc) VFILBR-H	Chân hút chống xoay (Large) VFIL-H
	Kích thước giác hút										
  	Giác hút	φ 3mm	○	×	×	×	○	×	×	×	×
	φ 4mm (micro)	○	×	×	×	×	○	×	×	×	×
	φ 6mm (micro)	○	×	×	×	×	○	×	×	×	×
	φ 4mm	×	○	×	×	×	○	×	×	○ Lựa chọn C.	×
	φ 6mm	×	○	×	×	×	○	×	×		×
	φ 8mm	×	○	×	×	×	○	×	×		×
	φ 10mm	×	○	×	×	×	○	×	×		×
	φ 12mm	×	○	×	×	×	○	×	×	×	×
	φ 14mm	×	○	×	×	×	○	×	×	×	×
	φ 15mm	×	×	○	○ Lựa chọn A.	×	×	○	○ Lựa chọn A.	○ Lựa chọn D.	○ Lựa chọn A.
	φ 20mm	×	×	○		×	×	○			
	φ 25mm	×	×	○		×	×	○			
	φ 30mm	×	×	○		×	×	○			
	φ 35mm	×	×	○	○ Lựa chọn B.	×	×	○	○ Lựa chọn B.	×	○ Lựa chọn B.
	φ 40mm	×	×	○		×	×	○			
	φ 45mm	×	×	○		×	×	○			
	φ 50mm	×	×	×		×	×	×			
φ 60mm	×	×	×	○ Lựa chọn B.	×	×	×	○ Lựa chọn B.	×	○ Lựa chọn B.	
φ 70mm	×	×	×		×	×	×		×		
	Giác hút (mini)	φ 6mm	×	○	×	×	○	×	×	○ Lựa chọn C.	×
	φ 8mm	×	○	×	×	×	○	×	×		×
	φ 10mm	×	○	×	×	×	○	×	×		×
	φ 12mm	×	○	×	×	×	○	×	×		×
	Giác hút (small)	φ 6mm	×	×	○	○ Lựa chọn A.	×	×	○	○ Lựa chọn A.	○ Lựa chọn D.
	φ 8mm	×	×	○	×		×	○			
	φ 10mm	×	×	○	×		×	○			
	φ 12mm	×	×	○	×		×	○			
	Nắp chân không	φ 2mm	×	×	○ * 2	×	×	○ * 1	○ * 1	×	×
	φ 4mm	×	×	Lựa chọn I.	×	×	Lựa chọn I.	Lựa chọn I.	×	Lựa chọn I.	×
	φ 6mm	×	×	○ * 2 Lựa chọn J.	×	×	○ * 1 Lựa chọn J.	○ * 1	×	○ Lựa chọn J.	×
	φ 8mm	×	×		×	×		×	×		
	φ 10mm	×	×		×	×		×	×		×
	φ 15mm	×	×		×	×		×	×		×
	Giác hút tầng Fluorine	φ 3mm	○	×	×	×	○	×	×	×	×
	φ 15mm	×	×	×	×	×	○ * 1	○ * 1	×	○	×
	φ 20mm	×	×	×	×	×	Lựa chọn K.	Lựa chọn K.	×	Lựa chọn K.	×
	φ 30mm	×	×	×	×	×	○ * 1	○ * 1	×	○	×
	φ 40mm	×	×	×	×	×	Lựa chọn L.	Lựa chọn L.	×	Lựa chọn L.	×
	Giác hút thép tấm	φ 30mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×
	φ 60mm	×	×	×	○	×	×	×	×	○	×
	Giác hút tầng (silicone trắng trong suốt)	φ 3mm	×	×	×	×	×	○ * 1 Lựa chọn I.	×	×	×
	Giác hút đa tầng	φ 15mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×
	φ 20mm	×	×	×	Lựa chọn E.	×	×	×	×	Lựa chọn E.	×
	φ 30mm	×	×	×	○ Lựa chọn F.	×	×	×	×	○ Lựa chọn F.	×
	φ 40mm	×	×	×	○ Lựa chọn G.	×	×	×	×	○ Lựa chọn G.	×
	φ 50mm	×	×	×	○ Lựa chọn H.	×	×	×	×	○ Lựa chọn H.	×
	Giác hút túi (tròn)	φ 18mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×
	φ 25mm	×	×	×	Lựa chọn E.	×	×	×	×	×	×
	φ 35mm	×	×	×		×	×	×		×	
	Giác hút túi (Hình sao)	φ 24mm	×	×	×	○ Lựa chọn E.	×	×	×	○ Lựa chọn F.	×
	φ 40mm	×	×	×	○ Lựa chọn F.	×	×	×	×	○ Lựa chọn F.	×
	φ 56mm	×	×	×	○ Lựa chọn G.	×	×	×	×	○ Lựa chọn G.	×

* Giác hút trong khung đậm yêu cầu "đầu gắn" khi lắp đặt. Chọn A ~ L từ bên dưới trang tiếp theo.

Thay nhanh
bàn gấp

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công

Thay nhanh
bàn gấp
thủ công (Loại OM)

Thay
dụng cụ

Hệ thống
thay bàn
gấp
tự động

Kẹp

Xi lanh
khí Mini

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Mini

Xi lanh khí
Container

Phụ kiện cho
xi lanh khí
Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao
su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút
cao su

Chân lắp
giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp
chân không

Bộ phun khí /
Lọc khí / Van kiểm
tra

Gấp sản phẩm
siêu nhỏ

Bộ tạo chân
không

Cắt

Xi lanh cắt
(Nhỏ • Vừa)

Xi lanh cắt
(Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Lel's Joint

Ổng hình
chữ nhật

Vật liệu Nhôm
cơ bản

Bàn gấp
dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện
khí nén

Cảm biến /Bo
mạch cộng tín
hiệu AND

Bo mạch
truyền thông
PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút /
Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp /
Cụm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet /
Kim loại tấm • Dập tấm •
Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản
phẩm khác

		Chân giác hút				Giác hút chống xoay					
○ : Có thể lắp × : Không thể lắp	Tấm đỡ	Chân giác hút (micro) VFILB-M	Chân giác hút (mini) VFIL-SS VFILP-SS	Chân giác hút (small) VFIL-S VFILP-S	Chân giác hút (large) VFI-L	Chân hút chống xoay (micro) VFILB-MSH	Giác hút chống xoay (mini) VFILB2-SSH	Giác hút chống xoay (small) VFILB2-SH	Giác hút chống xoay mini (1/8) VFILB2-SH	Chân hút chống xoay (điều chỉnh góc) VFILBR-H	Chân giác hút chống xoay (Large) VFIL-H
	Kích thước giác hút										
Loại tăng Gác hút cao su     	φ 1.2mm	○* 1	○* 2	×	×	○* 1	×	×	×	×	×
	φ 1.8mm			×	×		×	×	×	×	
	φ 2mm			×	×		×	×	×	×	
	φ 3.5mm			×	×		×	×	×	×	
	φ 5mm	×	×	○* 2	×	×	○* 1	○* 1	×	○	×
	φ 5.5mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 6mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 6.5mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 8mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 9.3mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 10mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 11mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 12.7mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 13mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 15mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 16mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 18.5mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 19mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 20mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 22mm	×	×		×	×			×	○	×
	φ 24mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 24.7mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 25mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 30mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 32.6mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 33mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 35mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 40mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 43mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 43.5mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 50mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	φ 52.5mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
φ 53mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○	
φ 60mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○	
φ 62.2mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○	
φ 63mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○	
φ 80mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○	
φ 83mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○	
φ 103mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○	
φ 118mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○	
Đầu chân hút (Chỉ với chân kim loại)  * 3	2×4mm	○* 1	○* 2	×	×	○* 1	×	×	×	×	×
	3.5×7mm			×	×		×	×	×	×	
	5×15mm	×	×	○* 2	×	×	○* 1	○* 1	×	○	×
	6×18mm	×	×		×	×			×	○	×
	8×24mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	10×30mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○
	15×45mm	×	×	×	○	×	×	×	○	×	○

Sử dụng đầu gắn giác hút											
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
Đầu gắn chân hút, loại tích hợp, smal	Đầu lắp chân hút, loại gắn kèm vít	Đầu gắn chân hút M5 Mini	Đầu gắn chân hút M5 Small	Đầu gắn chân hút trong • Cho PT1/8 A	Đầu gắn chân hút trong • Cho PT1/8 B	Đầu gắn chân hút trong • Cho PT1/8 C	Đầu gắn chân hút trong • Cho PT1/8 D	Đầu gắn chân hút ngoài • 2A • M5	Đầu gắn chân hút ngoài • 10 • M5	Đầu gắn chân hút ngoài M5 • cho EPG 1520	Đầu gắn chân hút ngoài M5 • cho EPG 3040
Ren lắp đặt PT1/8	Ren lắp đặt PT1/8	Ren lắp đặt M5	Ren lắp đặt M5	Ren lắp đặt PT1/8	Ren lắp đặt PT1/8	Ren lắp đặt PT1/8	Ren lắp đặt PT1/8	Ren lắp đặt M5	Ren lắp đặt M5	Ren lắp đặt M5	Ren lắp đặt M5
230066	230067	131208	131209	211114	211115	211116	211117	042111	042112	211102	211103

- * 1 Vui lòng tháo đầu gắn chân hút trước khi sử dụng.
 * 2 Gắn vào lỗ ren ở đầu và sử dụng. Không thể lắp cho chân giác hút nhựa (VFILP).
 * 3 Bức ảnh hiển thị giác hút Silicon, nó được áp dụng cho nhiều vật liệu khác nhau (cao su chống vết).



- Giác hút và đầu nổi khí bán riêng.

Chân giác hút cố định cho Mini



-
- Technical drawing of a mechanical assembly, showing a cross-section and a side view with dimensions.
- Dimensions:**
- Overall length: 33.5
 - Section 1 length: 10.5
 - Section 2 length: 10
 - Section 3 length: 18
 - Section 4 length: 2
 - Section 5 length: 3.5
 - Overall width: 15
 - Overall height: 13
- Labels:**
- M5 thông
 - M10×P1
 - φ7
 - φ5
 - φ3

Chân giác hút cố định cho Small



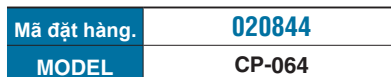
-

Chân giác hút Mini cho xi lanh Micro Mini



-
- Technical drawing of a shaft assembly. The drawing shows a shaft with a central hole of diameter $\phi 3$ and a total length of 16.5. The shaft is supported by a housing with a bore of diameter $\phi 7$. The shaft has a section of length 2, a section of length 3.5, and a section of length 6. The housing has a section of length 5. The shaft is labeled "M3 thông" and "M3". The housing has a bore of diameter $\phi 7$ and a section of length 8. The shaft has a section of length 9.2.

Chân giác hút Mini cho xi lanh Mini



-

Chân giác hút Small cho xi lanh Micro Mini



-

Chân giác hút Small cho xi lanh Mini



- Ví dụ sử dụng**
- 

3-36



TẮM ĐIỀU CHỈNH

Có thể điều chỉnh độ cao cho chân giác hút.

► Có thể nối dài giữa giác hút và chân giác hút.



TẮM ĐỖ CHÂN HÚT MICRO

Mã đặt hàng.	230072
MODEL	XL0061-100

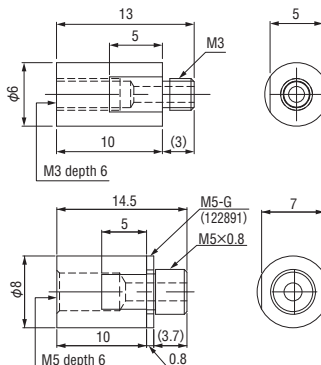
● Trọng lượng : 2 g ● Phần ren lắp đặt : M3



TẮM ĐỖ CHÂN HÚT MINI

Mã đặt hàng.	230114
MODEL	XL0061-200

● Trọng lượng : 3 g ● Phần ren lắp đặt : M5



Ví dụ sử dụng

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tầm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tầm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch công tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Đồng linh kiện nhệ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tầm kẹp / Cụm chia khí

Theo ngành nghề

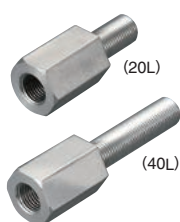
Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

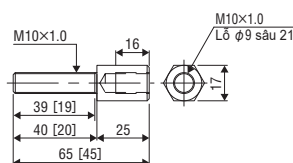
Thông tin sản phẩm khác



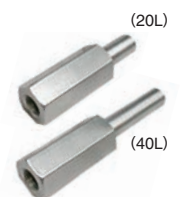
TẮM ĐỖ CHÂN HÚT • Mini (Cho chân hút 5st)

	20L	40L
Mã đặt hàng.	022544	022545
MODEL	CP-023AL (20L)	CP-024AL (40L)

● Trọng lượng : 17g (20L) 21g (40L)
● Kết hợp chân hút : VFIL1-SS-5
● Không bao gồm đai ốc chân hút.



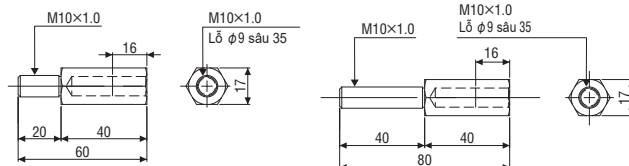
* Kích thước trong [] hiển thị kích thước của 20L.



TẮM ĐỖ CHÂN HÚT • Mini (Cho chân hút 5/10/20st)

	20L	40L
Mã đặt hàng.	023338	023339
MODEL	CP-AJM20	CP-AJM40

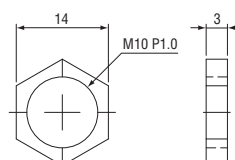
● Trọng lượng : 24g (20L) 28g (40L)
● Kết hợp chân hút : VFIL1-SS-5/10/20
● Không bao gồm đai ốc chân hút.



Đai ốc chân hút • mini (mạ Crom)

Mã đặt hàng.	120482
MODEL	VFIL-M10 (10 * 14 * 3 P1.0)

● Trọng lượng : 2 g ● Đường kính ren : M10



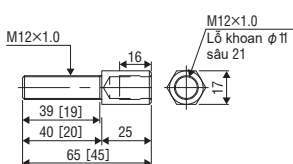
Ví dụ sử dụng



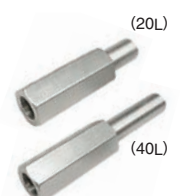
TẮM ĐỖ CHÂN HÚT • Small (Cho chân hút 5st)

	20L	40L
Mã đặt hàng.	022542	022543
MODEL	CP-021AL (20L)	CP-022AL (40L)

● Trọng lượng : 17g (20L) 23g (40L)
● Kết hợp chân hút : VFIL1-SS-5
● Không bao gồm đai ốc chân hút.



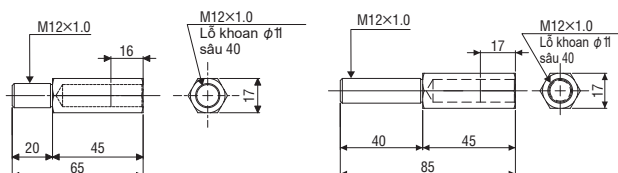
* Kích thước trong [] hiển thị kích thước của 20L.



TẮM ĐỖ CHÂN HÚT • Small (Cho chân hút 5/10/20st)

	20L	40L
Mã đặt hàng.	023340	023341
MODEL	CP-AJS20	CP-AJS40

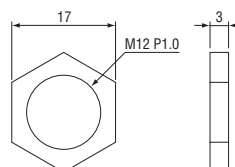
● Trọng lượng : 25g (20L) 31g (40L)
● Kết hợp chân hút : VFIL1-SS-5/10/20
● Không bao gồm đai ốc chân hút.



Đai ốc chân hút • Small (mạ Crom)

Mã đặt hàng.	120483
MODEL	VFIL-M12 (12 * 17 * 3 P1.0)

● Trọng lượng : 3 g ● Đường kính ren : M12





Tấm đỡ điều chỉnh góc độ giác hút

Có thể được điều chỉnh được góc độ của giác hút theo hình dạng của sản phẩm.

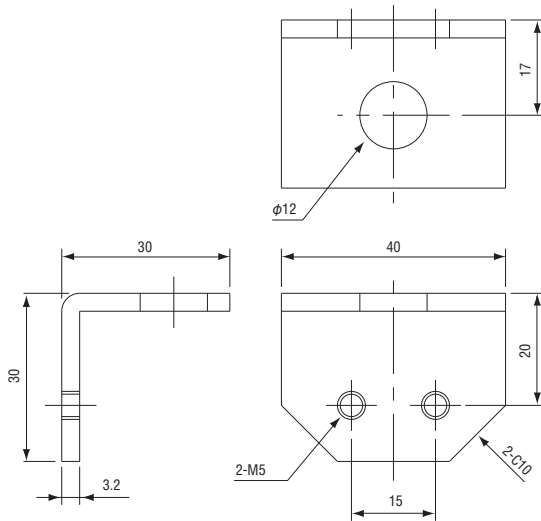


Tấm điều chỉnh góc chân hút • Small • Trên

Mã đặt hàng. 370698

MODEL CP-019

- Trọng lượng : 4.8g
- Bu lông cố định M5x15 được bán riêng.
- Sản phẩm chưa được lắp ráp khi giao hàng.
- Sử dụng với CP-019L hoặc CP-019R.



- Ảnh cho thấy loại gắn bên phải (CP-019R).

Hút • Chân giác hút

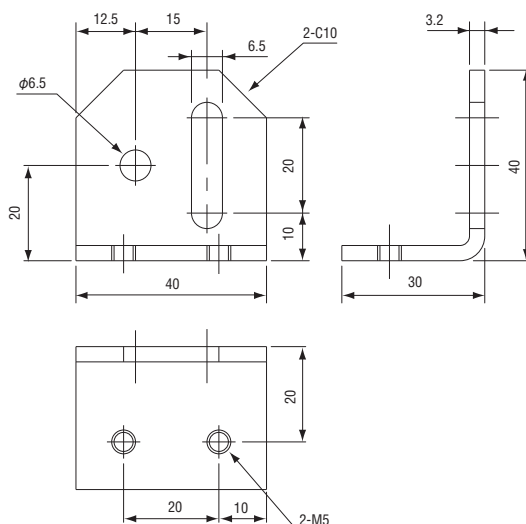


Tấm điều chỉnh góc chân hút • Small • L Dưới

Mã đặt hàng. 370789

MODEL CP-019L

- Trọng lượng : 5.4g
- Bu lông cố định M5x15 được bán riêng.
- Sản phẩm chưa được lắp ráp khi giao hàng.
- Sử dụng với CP-019

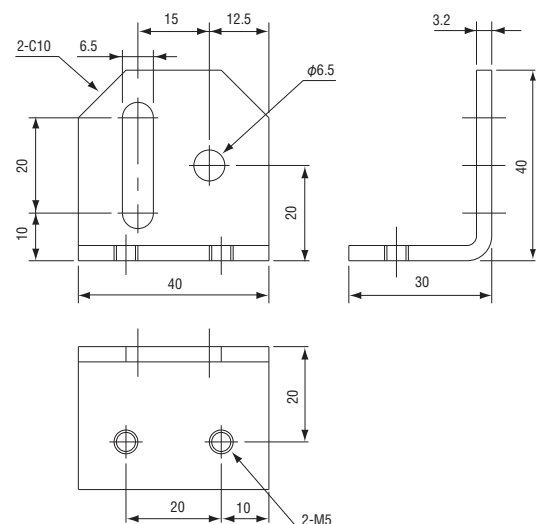


Tấm điều chỉnh góc chân hút • Small • R Dưới

Mã đặt hàng. 370790

MODEL CP-019R

- Trọng lượng : 5.4g
- Bu lông cố định M5x15 được bán riêng.
- Sản phẩm chưa được lắp ráp khi giao hàng.
- Sử dụng với CP-019



Handwriting practice area with 20 sets of horizontal dashed lines.



Pad in Pad

Bạn có gặp vấn đề gì với các chi tiết có lỗ (hộp đựng thực phẩm, nắp và nút chặn bên trong hộp đựng mỹ phẩm và bánh răng nhỏ) tự động rơi không? Pad in Pad có thể được sử dụng cho các sản phẩm đúc có lỗ.

Ví dụ



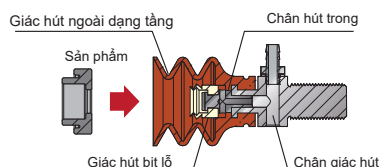
Ví dụ về sự kết hợp



Ví dụ sử dụng VAPH-30-3

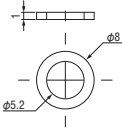
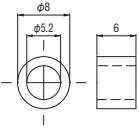


EPLG-50-SS

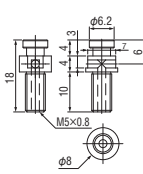
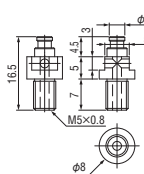
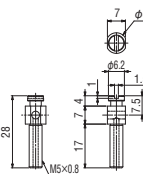
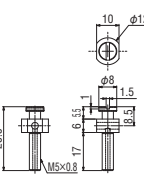
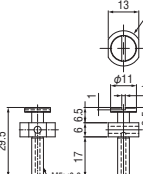
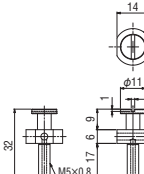


Giác hút ngoài để hút mặt phẳng của sản phẩm. Và góc hút tròn để bị lõm.

Vòng đệm chân hút

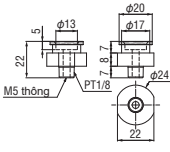
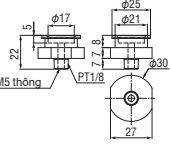
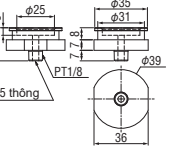
Vòng đệm chân hút		
Bản vẽ		
Mã đặt hàng.	210913	187128
MODEL	VFILK-P-S	SP-S5-6
Trọng lượng	0.3g	2.0g
Chân hút	—	

Chân hút trong

Chân hút trong						
Bản vẽ						
Mã đặt hàng.	210911	210912	211118	211119	211120	211121
MODEL	VFILK-PS-M5	VFILK-PSS-M5	VFILK-PIA-M5	VFILK-PIB-M5	VFILK-PIC-M5	VFILK-PID-M5
Trọng lượng	1.5g	1.0g	1.0g	2.0g	4.0g	5.0g
Giác hút trong	EPJG-(6,8,10,15)-S	Silicone (nâu)	EPJG-(6,8)-S	EPJG-(10,15)-S	EPJG-(20,25)-S	EPJG-30-S
Chân hút	Chân góc hút Small (cũng như một số chân hút Mini) VFILA-(B,C,D)-1/8 VFILA-(C,D)-1/8 VFILA-D-1/8					

* Khi đặt hàng chân hút bên trong, vui lòng mua kèm vòng đệm (122891) **6-8**

Chân góc hút ngoài

Chân góc hút ngoài			
Bản vẽ			
Mã đặt hàng.	211115	211116	211117
MODEL	VFILA-PHB-1/8	VFILA-PHC-1/8	VFILA-PHD-1/8
Trọng lượng	13.0g	18.0g	34.0g
Giác hút trong	EPLG-30-S5, EPLG-40L	EPLG-40-S5	EPLG-50-S5
Chân hút	Chân góc hút large, chống xoay (1/8 large)		

Sự kết hợp của Pad in Pad, vui lòng tham khảo bảng lựa chọn **3-42**.



Vui lòng kiểm tra bảng hiệu suất trên trang web của chúng tôi.

Pad in Pad



Bạn có thể xem video sản phẩm bằng cách quét mã QR trên điện thoại thông minh.

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch cộng tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp

Cụm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác

► Giác hút trong

Vật liệu	Silicone (nâu)			Silicone (trắng trong suốt)	
Kích thước giác hút	φ 3mm	φ 4mm	φ 6mm	φ 6mm	φ 8mm
Giác hút trong		* Micro	* Micro		
Bản vẽ					
Mã đặt hàng.	210897	210789	210790	042038	042039
MODEL	VAPH-3C-3	VAPH-4M	VAPH-6M	EPJG-6-S	EPJG-8-S
Trọng lượng	1.0g	0.2g	0.3g	0.15g	0.25g
Chân hút	Micro, VFILK-PSS-M5			Mini, VFILK-PS-M5, VFILK-PIA-M5	

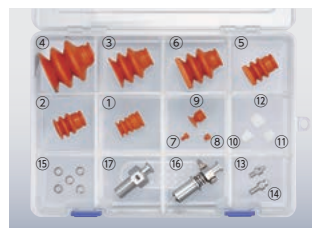
Vật liệu	Silicone (trắng trong suốt)				
Kích thước giác hút	φ 10mm	φ 15mm	φ 20mm	φ 25mm	φ 30mm
Giác hút trong					
Bản vẽ					
Mã đặt hàng.	042040	042041	042068	042069	042070
MODEL	EPJG-10-S	EPJG-15-S	EPJG-20-S	EPJG-25-S	EPJG-30-S
Trọng lượng	0.45g	1.0g	1.6g	2.7g	5.0g
Chân hút	Mini, VFILK-PS-M5, VFILK-PIB-M5		VFILK-PIC-M5		VFILK-PID-M5

► Giác hút ngoài

Vật liệu	Silicone (nâu)				Silicone (trắng trong suốt)		
Kích thước giác hút	φ 15mm	φ 20mm	φ 30mm	φ 40mm	φ 30mm	φ 40mm	φ 50mm
Giác hút ngoài							
Bản vẽ							
Mã đặt hàng.	210697	210661	210662	210663	042071	042072	042073
MODEL	VAPH-15C-3	VAPH-20C-3	VAPH-30C-3	VAPH-40C-3	EPLG-30-S5	EPLG-40-S5	EPLG-50-S5
Trọng lượng	2.7g	2.9g	7.0g	18.4g	6.9g	15.7g	20.8g
Giác hút trong	VAPH-4M/6M, VAPH-3C-3	EPJG-6-S/8-S	EPJG-6-S~EPJG10-S	EPJG-6-S~EPJG15-S	EPJG-(8,10)-S	EPJG-(8,15,20)-S	EPJG-(8~30)-S
Chân hút	Small, VFIL-S, hoặc VFILB-SH ➔ 3-26,27,28,30				VFILA-PHB-1/8	VFILA-PHC-1/8	VFILA-PHD-1/8

Bộ thử nghiệm Pad in Pad

Hãy thử Pad in Pad với bộ dụng cụ thử nghiệm của chúng tôi!!



Bộ thử nghiệm Pad in Pad(1)

Mã đặt hàng. 196688

MODEL TEST KIT VERSION (1)

■ Nội dung

Trang	Tên sản phẩm	Mã đặt hàng.	MODEL	Qty	Giác hút tương thích
Giác hút bên ngoài dạng tăng	Giác hút tăng (silicon, nâu)	210697	VAPH-15C-3	1	⑦⑧
	Giác hút tăng (silicon, nâu)	210661	VAPH-20C-3	1	⑦⑧⑩⑪
	Giác hút tăng (silicon, nâu)	210662	VAPH-30C-3	1	⑦⑧⑩⑪⑫
	Giác hút tăng (silicon, nâu)	210663	VAPH-40C-3	1	⑦~⑫
	Giác hút tăng w/ sponge (silicon, nâu)	210914	VAPH-20C-10-3-SP	1	⑦⑧⑩⑪
	Giác hút tăng w/ sponge (silicon, nâu)	210915	VAPH-30C-15-3-SP	1	⑦⑧⑩⑪⑫
Giác hút bịt lỗ	Giác hút tăng (silicon, nâu)	210897	VAPH-3C-3	1	①~⑥
	Giác hút (standard/micro/nâu)	210790	VAPH-6M (silicon)	1	①~⑥
	Giác hút (standard/micro/nâu)	210616	VAPH-14C	1	④
	Giác hút • Silicon	042038	EPJG-6-S	1	②~⑥
	Giác hút • Silicon	042039	EPJG-8-S	1	②~⑥
	Giác hút • Silicon	042040	EPJG-10-S	1	③④⑥
Chân hút trong	Chân hút trong cho micro	210912	VFILK-PSS-M5	1	—
	Chân hút trong cho mini	210911	VFILK-PS-M5	1	—
	Chân hút trong • Vòng đệm	210913	VFILK-P-S	5	—
Chân giác hút	Chân giác hút small	211006	VFIL1-S-S-P12	1	—
	Chân giác hút cỡ định small	210698	VFILK-S-M12	1	—



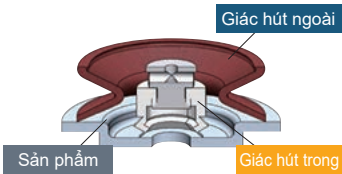
Bảng lựa chọn Pad in Pad

Thông qua sự kết hợp của việc lựa chọn các linh kiện, có thể gắp ra ngay cả những bộ phận có lỗi.

Hình ảnh sản phẩm mẫu



Hình ảnh trạng thái hút



Hình ảnh kết hợp



				Giác hút ngoài						
Mã đặt hàng.	MODEL	Đường kính ngoài sản phẩm	Đường kính lỗ sản phẩm	210697	210661	210662	210663	042071	042072	042073
				VAPH-15C-3	VAPH-20C-3	VAPH-30C-3	VAPH-40C-3	EPLG-30-S5	EPLG-40-S5	EPLG-50-S5
				Đường kính giác hút ngoài	Đường kính giác hút ngoài	Đường kính giác hút ngoài	Đường kính giác hút ngoài	Đường kính giác hút ngoài	Đường kính giác hút ngoài	Đường kính giác hút ngoài
				Đường kính giác hút trong	Đường kính giác hút trong	Đường kính giác hút trong	Đường kính giác hút trong	Đường kính giác hút trong	Đường kính giác hút trong	Đường kính giác hút trong
				φ 15	φ 20	φ 30	φ 40	φ 30	φ 40	φ 50
				φ 8	φ 11	φ 15	φ 18	φ 19	φ 25.7	φ 35.7
				φ 12 hoặc lớn hơn	φ 15 hoặc lớn hơn	φ 19 hoặc lớn hơn	φ 22 hoặc lớn hơn	φ 21 hoặc lớn hơn	φ 26 hoặc lớn hơn	φ 37 hoặc lớn hơn
				A	A	A	A			
				1.2.3	1.2.3	1.2.3	1.2.3			
				4.0mm	3.5mm	- 0.5mm	- 5.5mm			
				A	A	A	A			
				1.2.3	1.2.3	1.2.3	1.2.3			
				4.0mm	± 0mm	- 4.0mm				
				A	A	A	A			
				1.2.3	1.2.3	1.2.3	1.2.3			
				4.5mm	0.5mm	- 4.5mm				
				B	B	B				
				1.2.3	1.2.3	1.2.3				
				2.8mm	- 1.2mm	- 6.2mm				
								B.C	B.C	B.C
								G	H	I
								1.2.3	1.2.3	4.5.6
								- 1.3mm	- 6.3mm	- 4.1mm
								B.D	B.D	B.D
								G	H	I
								1.2.3	1.2.3	4.5.6
								- 0.3mm	- 5.3mm	- 4.1mm
									D	D
									H	I
									4.5.6	4.5.6
									- 5.2mm	- 6.2mm
									E	E
									H	I
									4.5.6	4.5.6
									- 4.2mm	- 5.2mm
									E	I
									4.5.6	4.5.6
									- 4.1mm	
									F	
									I	
									4.5.6	
									- 0.8mm	

Cách đọc bảng

Linh kiện được chọn từ danh sách bên dưới

Giác hút trong
Giác hút ngoài
Chân giác hút
Chênh lệch chiều cao

* Vui lòng sử dụng bảng cài đặt này để tham khảo khi kết hợp.

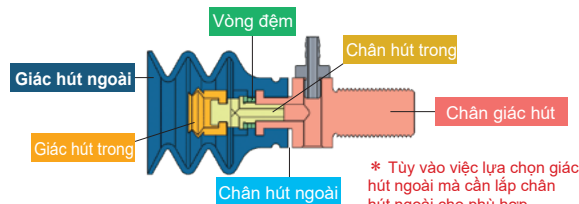
Danh sách linh kiện

Giác hút trong		
Ký hiệu	Mã đặt hàng.	MODEL
A	210912	VFILK-PSS-M5
B	210911	VFILK-PS-M5
C	211118	VFILK-PIA-M5
D	211119	VFILK-PIB-M5
E	211120	VFILK-PIC-M5
F	211121	VFILK-PID-M5

Chân giác hút		
Ký hiệu	Mã đặt hàng.	MODEL
1		VFIL-S series
2		VFILB-2-SSH series
3		VFILB-SH series
4		VFIL-L series
5		VFILB2-SH1/8 series
6	210788	VFIL-H

Giác hút ngoài		
Ký hiệu	Mã đặt hàng.	MODEL
G	211115	VFILA-PHB-1/8
H	211116	VFILA-PHC-1/8
I	211117	VFILA-PHD-1/8

Vòng đệm		
Ký hiệu	Mã đặt hàng.	MODEL
210913	1mm	VFILK-P-S
187128	6mm	SP-S5-6



* Tùy vào việc lựa chọn giác hút ngoài mà cần lắp chân hút ngoài cho phù hợp.

Chênh lệch độ cao giữa giác hút ngoài và giác hút trong trong quá trình hút BẬT.

+ : Bề mặt hút của giác hút bên trong nhỏ ra ngoài bề mặt hút của giác hút bên ngoài.
- : Bề mặt hút của giác hút bên trong không nhỏ ra ngoài bề mặt hút của giác hút bên ngoài.
* Có thể điều chỉnh giá trị từ + sang -.



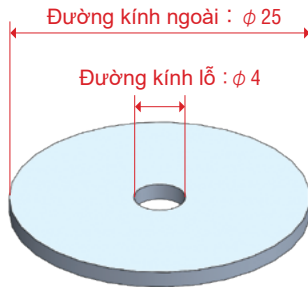
Do đó, các tổ hợp có giá trị + lớn chỉ có thể sử dụng cho các sản phẩm lớn.



Bạn có thể xem video sản phẩm bằng cách quét mã QR trên điện thoại thông minh.

► Phương pháp lựa chọn

Vd.1 Sản phẩm có lỗ thông Đường kính ngoài : $\phi 25$ Đường kính lỗ : $\phi 4$ Chênh lệch độ cao : 0mm



1 Giác hút trong

Đường kính lỗ sản phẩm là $\phi 4$, do đó chọn đường kính giác hút lớn hơn $\phi 4$.

2 Giác hút ngoài

Vì đường kính ngoài của sản phẩm là $\phi 25$, do đó chọn giác hút nhỏ hơn hoặc bằng $\phi 25$.

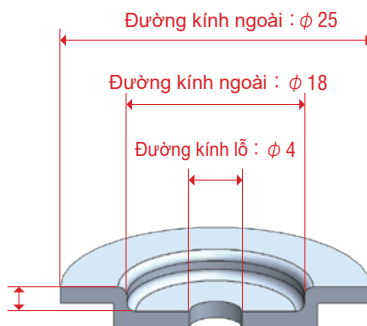
3 Vòng đệm

Trong số các giác hút đã chọn, hãy chọn giác hút có giá trị âm trong khung màu xanh lá cây ở bảng lựa chọn và thêm một vòng đệm sao cho chênh lệch độ cao trong quá trình hút là ± 0 .

* Dung sai rò rỉ không khí: Chênh lệch chiều cao $\pm 0,5\text{mm}$.

* Nếu có nhiều lựa chọn, vui lòng chọn lựa chọn phù hợp nhất với yêu cầu của bạn dựa trên tổng giá của các linh kiện và kích thước của các thành phần.

Vd.2 Sản phẩm lõm. Đường kính ngoài : $\phi 25$ Đường kính trong : $\phi 18$ Đường kính lỗ : $\phi 4$ Chênh lệch độ cao : 2 mm



Chênh lệch độ cao : 2mm

1 Giác hút trong

Đường kính lỗ sản phẩm là $\phi 4$, do đó chọn đường kính giác hút lớn hơn $\phi 4$.

2 Giác hút ngoài

Vì đường kính ngoài của sản phẩm là $\phi 25$ và đường kính trong là $\phi 18$, hãy chọn giác hút có đường kính ngoài nhỏ hơn $\phi 25$ và lớn hơn $\phi 18$.

3 Vòng đệm

Vui lòng thêm một vòng đệm để giá trị được đóng khung màu xanh lá cây trong bảng lựa chọn cho miếng đệm đã chọn có chiều dài $+2\text{mm}$.

* Lưu ý rằng hiện tượng rò rỉ không khí sẽ xảy ra nếu độ dày nhỏ hơn 2mm.

* Dung sai rò rỉ không khí: Chênh lệch chiều cao $\pm 0,5\text{mm}$.

* Nếu có nhiều lựa chọn, vui lòng chọn lựa chọn phù hợp nhất với yêu cầu của bạn dựa trên tổng giá của các linh kiện và kích thước của các thành phần.

► Giới thiệu các mẫu sản phẩm

Ví dụ
1



Sản phẩm đúc Nắp

Thành phần chính	Giác hút ngoài dạng tăng	VAPH-20C-3
	Giác hút bịt lỗ	TPJG-8-S
	Chân giác hút	VFIL-S-5A
	Chân hút trong	VFILK-PS-M5

Ví dụ
2



Sản phẩm đúc Bánh răng

Thành phần chính	Giác hút ngoài dạng tăng	VAPH-20C-3
	Giác hút bịt lỗ	TPJG-8-S
	Chân giác hút	VFIL-S-5A
	Chân hút trong	VFILK-PS-M5

Ví dụ
3



Sản phẩm đúc Bánh xe

Thành phần chính	Giác hút ngoài dạng tăng	EPLG-30-S5
	Giác hút bịt lỗ	EPJG-10-S
	Chân giác hút	VFILA-PHB-1/8
	Chân hút trong	VFILK-PIB-M5

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Lel's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch cộng tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Đồng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp / Cùm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

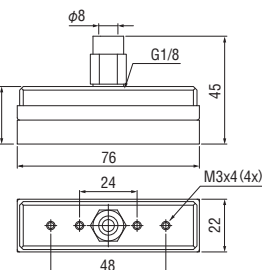
Thông tin

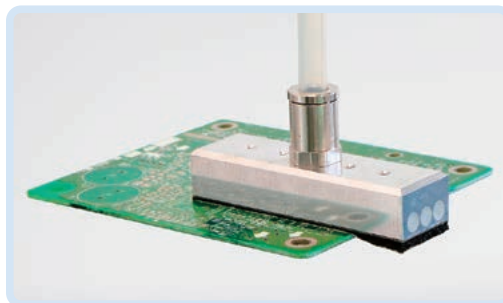
Thông tin sản phẩm khác



Tấm kẹp chân không

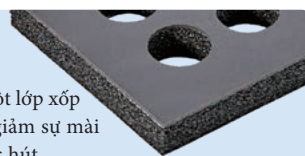
► Tấm kẹp chân không nhỏ. Phù hợp để hút và vận chuyển các sản phẩm nhỏ.

Tấm kẹp chân không		Không gắn bộ phun chân không
Bản vẽ	 * Nối với bộ phun chân không nhựa đồng SSBP 3-49 bằng ống $\phi 8$ (Không gắn bộ phun chân không).	
Tên sản phẩm	Tấm kẹp chân không 76×22 × 10mm	Tấm đệm 76×22 không gồm van (thay thế)
Mã đặt hàng.	183977	183978
MODEL	SFM-76/22-SW-10-B	SFMSEAL76/22SW10BW/OV
Trọng lượng	50.0g	1.5g



Về bề mặt hút

Nó được bao phủ một lớp xốp sponge, có thể làm giảm sự mài mòn và dấu của giác hút.
* Tấm xốp Sponge có thể thay thế.



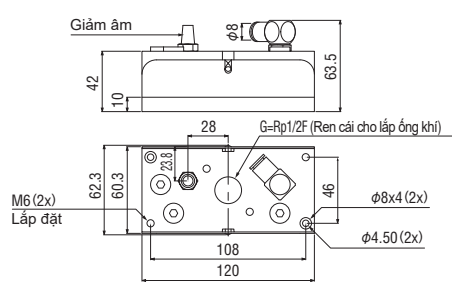
Thông số kỹ thuật

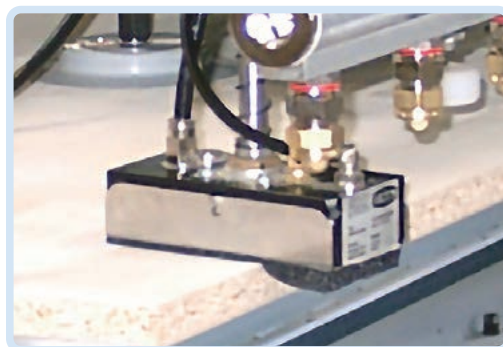
MODEL	Tấm kẹp chân không	Van	Lực giữ ^{*1} (N)	Lượng hút cần thiết ^{*2} (L/min)	Số lỗ hút	Trọng lượng (g)
SFM-76/22-SW-10-B	Loại bên ngoài	Van tiết lưu	40	40	26	60

* 1 - 60 kPa. Nếu toàn bộ tấm kẹp phủ kín bề mặt vật cứng.

* 2 Tổng lực hút khi tấm kẹp được kết nối lên tới -60 kPa.

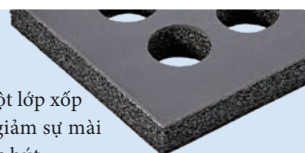
► Có thể vận chuyển vật có hình dạng khác nhau với chỉ một tấm kẹp (gỗ, nhựa, bìa cứng, vv.).

Tấm kẹp chân không		Gắn bộ phun chân không
Bản vẽ		
Tên sản phẩm	Tấm kẹp chân không 120×60 × 10mm	Tấm đệm 120×60 không gồm van (thay thế)
Mã đặt hàng.	183979	183980
MODEL	SFX-120/60-SW-1.5-10-B	SFXFMSEAL120/60SW10BW/OV
Trọng lượng	500.0g	6.5g



Về bề mặt hút

Nó được bao phủ một lớp xốp sponge, có thể làm giảm sự mài mòn và dấu của giác hút.
* Tấm xốp Sponge có thể thay thế.



* Ngừng bán khi hết tồn kho.

Thông số kỹ thuật

MODEL	Khả năng chịu tải ^{*3} (N)	Lực giữ ^{*4} (N)	Lưu lượng hút Max ^{*5} (L/min)	Chân không Max (%)	Lượng khí tiêu thụ (L/min)	Số lỗ hút	Độ ồn (dB (A))	Áp lực khí cấp (MPa)	Nhiệt độ cho phép (°C)	Trọng lượng (g)
SFX-120/60-SW-1.5-10-B	92	98	69	80	117	10	65	0.3 ~ 0.5	+5 ~ +50	500

* 3 Khi vận chuyển theo phương ngang.

* 4 Lực giữ tối đa trong khi áp lực hút là - 30 kPa (Trường hợp hút toàn bộ bề mặt vật kín không có lỗ. Không bao gồm hệ số an toàn).

* 5 Áp suất khí nguồn cấp là 0.5 MPa.

* Lượng chân không tối đa, lượng khí tiêu thụ và độ ồn thay đổi tùy thuộc vào tấm hút chân không bên ngoài.

Handwriting practice area with 20 sets of horizontal dashed lines.



Bộ phun khí



- Thích hợp để vận chuyển các vật nặng và hộp carton.
- Nhỏ, nhẹ và tuổi thọ cao.

3-47

Bộ phun khí bằng nhựa



Thiết bị phun khí nhẹ, hiệu suất cao và giá rẻ.

3-49

Tấm lọc khí nhỏ



Ngăn chặn nước, dầu, bột sắt, v.v. bị hút từ phía giác hút vào thiết bị phun khí.

3-48

Van kiểm tra nhỏ cho giác hút



Đây là van kiểm tra chân không nhỏ. Vui lòng gắn giác hút trước khi sử dụng..

3-50

Thông số kỹ thuật

Tên sản phẩm		Mã đặt hàng.	MODEL	Trọng lượng (g)	Trang chi tiết
Bộ phun khí	 NEW	042116	ESVP10-A	146	3-47
	 NEW	042129	ESVP10-A-20	169	
			042034	ECV-10HS	80
Bộ phun khí gắn cảm biến		042035	ECV-10HSCK	120	
Tấm lọc khí nhỏ		042036	EVFL-44	20	
		042037	EVFL-66		
Bộ phun khí bằng nhựa	Vòi phun bộ phun khí nhựa 1.0 mm 	183988	SSBP-10-S2-SDA	22	3-49
	Vòi phun bộ phun khí nhựa 1.5 mm 	183989	SSBP-15-S2-SDA		
		Vòi phun bộ phun khí nhựa 2.0 mm 	183991	SSBP-20-S3-SDA	
Đế gắn bộ phun khí nhựa		183990	SBEF-PL-110 * 45	—	3-50
Van kiểm tra nhỏ cho giác hút		184150	SSVK-M5	3	
		184151	SSVK-G1/8	11	



Bộ phun khí

Thích hợp để vận chuyển các vật nặng và hộp carton.

NEW ▶ Bộ phun khí



Bộ phun khí (trục $\phi 12$)

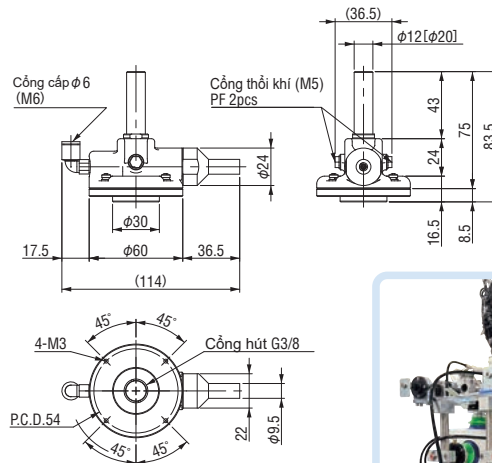
Mã đặt hàng.	042116
MODEL	ESVP10-A

● Trọng lượng : 146g

Bộ phun khí (trục $\phi 20$)

Mã đặt hàng.	042129
MODEL	ESVP10-A-20

● Trọng lượng : 169g



■ Thông số kỹ thuật

MODEL	Lực hút Max (-kPa)	Lưu lượng hút Max (NL/min)	Áp suất khí cấp (MPa)	Lượng khí tiêu thụ (L/min)	Độ ồn (dBA)
ESVP10-A	-79.5	85	0.5	57	65 ~ 70

NEW ▶ Giác hút vận chuyển (chỉ cho bộ phun khí)

Kích thước giác hút	$\phi 45mm$	$\phi 65mm$	$\phi 80mm$	$\phi 60mm$
Giác hút vận chuyển	 gắn tấm giữ	 gắn tấm giữ	 gắn tấm giữ	 gắn tấm giữ
Bản vẽ				
Mã đặt hàng.	042117	010749	010750	042118
MODEL	ESVP-A-PA	B1.5/60-MU65-N6-G-F2-38M	B1.5/60-MU80-N6-G-F2-38M	ESVP-A-SA
Trọng lượng	56.4g	82g	88g	40.6g

NEW ▶ Linh kiện thay thế



Tấm lọc

Mã đặt hàng.	042119
MODEL	ESVP-FILT

● Trọng lượng : 1.5g



Vòi phun

Mã đặt hàng.	042133
MODEL	ESVP10-NOZL-UT

● Trọng lượng : 2.0g



Vòng đệm

Mã đặt hàng.	042132
MODEL	ESVP10-SEAL

● Trọng lượng : 0.1g



Đầu nối khí (Góc)

Mã đặt hàng.	102051
MODEL	K02L06-M6A

● Trọng lượng : 4.3g



Trục nối $\phi 12$

Mã đặt hàng.	042130
MODEL	ESVP10-BKTJT12

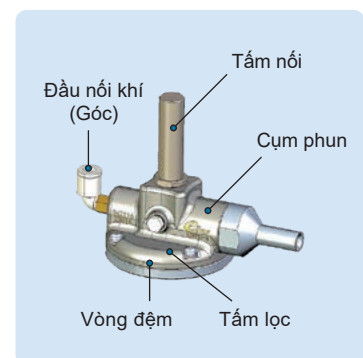
● Trọng lượng : 1.6g



Trục nối $\phi 20$

Mã đặt hàng.	042131
MODEL	ESVP10-BKTJT20

● Trọng lượng : 3.8g



Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ống hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch công tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Đông linh kiện nhẹ

Khung / Giác hút / Xi lanh nhựa / Tấm kẹp / Cụm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác



Bộ phung khí / Tấm lọc khí nhỏ

► Gắn cảm biến chân không



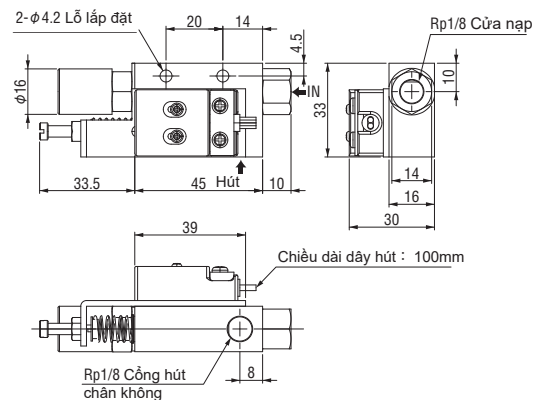
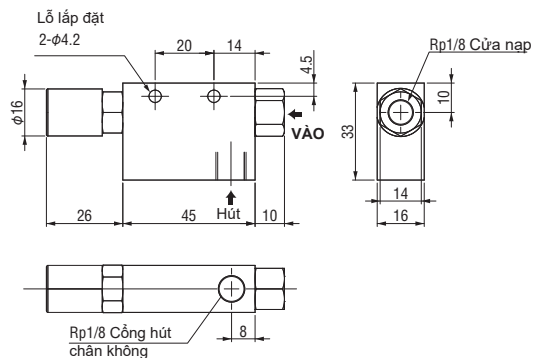
Mã đặt hàng.	042034
MODEL	ECV-10HS

● Trọng lượng : 7.8g



Mã đặt hàng.	042035
MODEL	ECV-10HSCK

● Trọng lượng : 1.20g



■ Thông số kỹ thuật

Tên sản phẩm	MODEL	Đường kính vòi phun (mm)	Lượng khí hút (L/min)	Áp lực hút (kPa)	Lượng khí tiêu thụ (L/min)	Áp suất khí cấp (MPa)
Bộ phun khí	ECV-10HS	φ 1.0	27 (ANR)	- 92	44 (ANR)	0.5
	ECV-10HSCK					

► Tấm lọc khí nhỏ



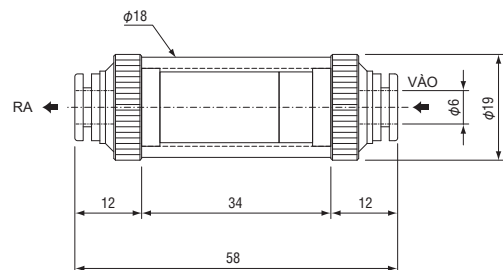
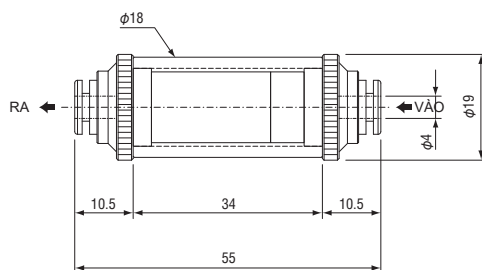
Mã đặt hàng.	042036
MODEL	EVFL-44

● Trọng lượng : 20g ● Có hướng



Mã đặt hàng.	042037
MODEL	EVFL-66

● Trọng lượng : 20g ● Có hướng



■ Thông số kỹ thuật

Tên sản phẩm	MODEL	Kích thước ống (mm)	Áp suất chịu đựng (MPa)	Áp suất (kPa)	Mức độ lọc (μm)
Tấm lọc khí nhỏ	EVFL-44	φ 4	0.5	- 95.9~0	15
	EVFL-66	φ 6			

* Bộ lọc chân không



Bộ phun khí bằng nhựa

Bộ phun khí nhẹ, hiệu suất cao và giá rẻ.



Bộ phun khí nhựa 1.0mm

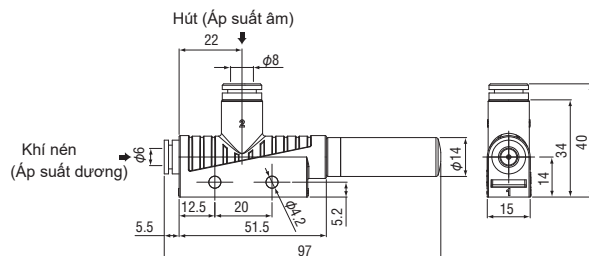
Mã đặt hàng.	183988
MODEL	SSBP-10-S2-SDA

- Trọng lượng : 22g
- Đường kính trong ống khí cấp khuyến nghị: 4 mm (dài 2 m)
- Đường kính trong ống khí hút chân không khuyến nghị: 6 mm (dài 2 m)

Bộ phun khí nhựa 1.5mm

Mã đặt hàng.	183989
MODEL	SSBP-15-S2-SDA

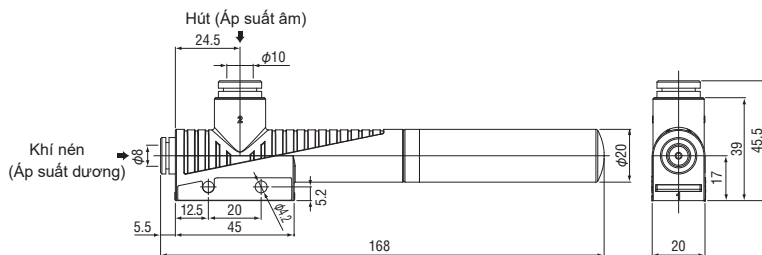
- Trọng lượng : 22g
- Đường kính trong ống khí cấp khuyến nghị: 4 mm (dài 2 m)
- Đường kính trong ống khí hút chân không khuyến nghị: 6 mm (dài 2 m)



Bộ phun khí nhựa 2.0mm

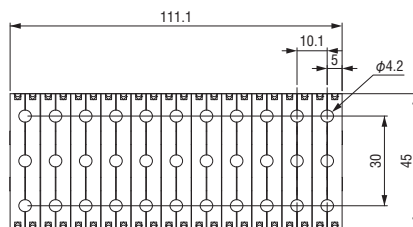
Mã đặt hàng.	183991
MODEL	SSBP-20-S3-SDA

- Trọng lượng : 50g
- Đường kính trong ống khí cấp khuyến nghị: 6 mm (dài 2 m)
- Đường kính trong ống khí hút chân không khuyến nghị: 7 mm (dài 2 m)



Đề lắp bộ phun khí nhựa

Mã đặt hàng.	183990
MODEL	SBEF-PL-110 * 45



Thông số kỹ thuật

Tên sản phẩm	MODEL	Đường kính vòi phun (mm)	Áp lực hút Max (kPa)	Lượng khí hút (L/min)	Áp suất làm việc (MPa)	Lượng khí tiêu thụ (L/min) *	Độ ồn (dB(A))
Bộ phun khí nhựa	SSBP-10-S2-SDA	φ 1.0	-85	37.7	0.45	48	65
	SSBP-15-S2-SDA	φ 1.5	-85	71.0	0.45	105	72
	SSBP-20-S3-SDA	φ 2.0	-85	127.0	0.45	197	77

* Khi áp suất khí làm việc là 0.45 MPa.

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phun khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ổng hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch cộng tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp / Cụm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Đập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác



Van kiểm tra nhỏ (cho giác hút chân không)

Đây là van kiểm tra chân không loại nhỏ. Vui lòng gắn giác hút trước khi sử dụng.



- Tháo đầu chân giác hút trước khi lắp đặt.
- Khi sử dụng chân hút VFILB, hãy gắn vào giữa đầu chân hút và thân chính để sử dụng.

Bằng cách sử dụng van kiểm tra, không cần phải điều chỉnh vị trí của giác hút khi nâng các phôi có kích thước khác nhau cùng một lúc. Van kiểm tra sẽ chặn luồng không khí đến các giác hút khi không có tiếp xúc giữa giác hút và phôi.



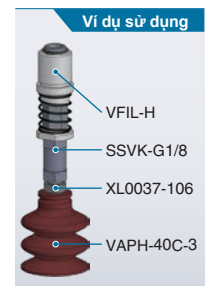
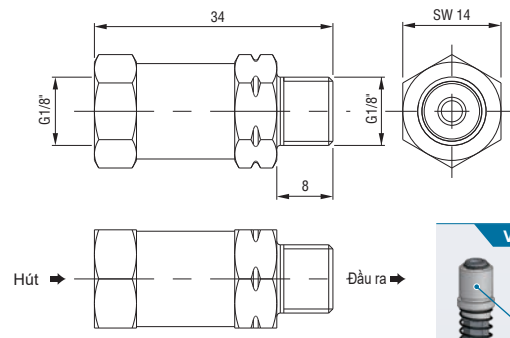
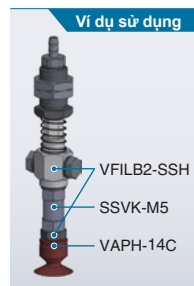
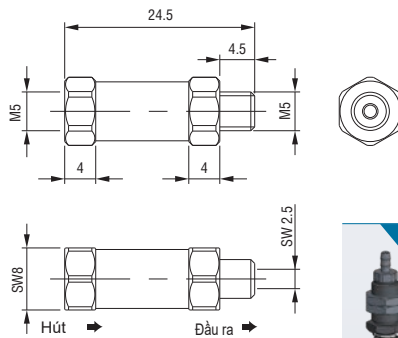
Mã đặt hàng.	184150
MODEL	SSVK-M5

• Trọng lượng : 3 g



Mã đặt hàng.	184151
MODEL	SSVK-G1/8

• Trọng lượng : 11 g



Hoạt động của van kiểm tra



Ở trạng thái giác hút chân không ấn vào bề mặt phôi kín. Quả bóng trong van ở vị trí mở, tạo ra lực hút chân không lên vật.



Nếu phôi không phủ kín hết các giác hút chân không hoặc bị tuột ra khỏi giác hút trong khi di chuyển, luồng khí sẽ đẩy bi lên phía trên bề đỡ, duy trì áp suất chân không trong hệ thống.



Khi nhả phôi, bi được đẩy lùi khỏi bề đỡ, mở rộng diện tích mặt cắt ngang của van, cho phép xả một lượng khí lớn, đảm bảo phôi được nhả nhanh chóng và đáng tin cậy.

<Giá trị tham khảo>

Giác hút VAPH-15C

Van kiểm tra SSVK-M5

Áp suất khí cấp 0.5MPa

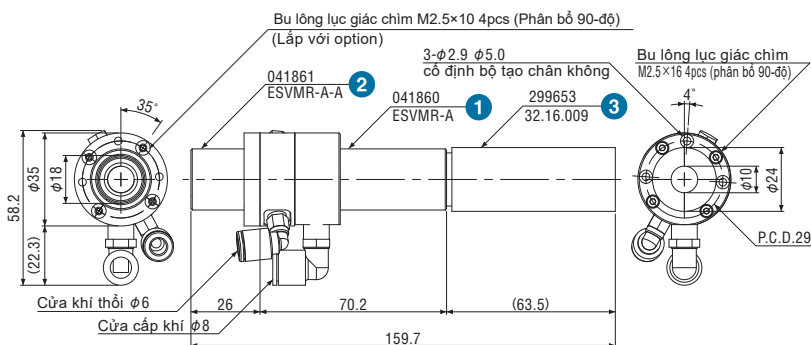
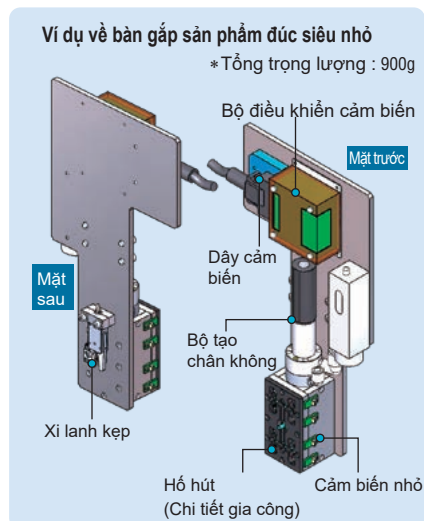
Số lượng giác hút		(Đơn vị : kPa)				
No. sử dụng		0 vị trí	1 vị trí	2 vị trí	3 vị trí	4 vị trí
Van kiểm tra: 0		-20.5	-20.5	-20.5	-20.5	-66.5
Van kiểm tra: 1		-21.0	-21.0	-21.0	-61.0	-65.4
Van kiểm tra: 2		-22.0	-22.0	-55.2	-61.9	-65.3
Van kiểm tra: 3		-25.0	-47.6	-54.1	-59.2	-64.4

* Bảng trên là trường hợp độ chân không tối đa là -66,5kPa.

Handwriting practice area with 20 sets of horizontal dashed lines.

Vui lòng gửi thông tin kỹ thuật trước để chúng tôi thiết kế/sản xuất hiệu quả.

- ▶ Hiệu quả cao trong việc gấp các sản phẩm đúc siêu nhỏ từ máy ép nhựa 20 tấn trở xuống.
- ▶ Sử dụng thiết bị tạo chân không nhỏ gọn và chức năng cao.
- ▶ Thiết bị tạo chân không hình trụ có thể gắn vào ống SUS Jungle Gym.
- ▶ Bộ cảm biến siêu nhỏ rất phù hợp cho việc xác nhận sản phẩm.



1



Thiết bị tạo chân không

Mã đặt hàng.	041860
MODEL	ESVMR-A

- Trọng lượng : 104g
- Lưu lượng hút : 700 [L/min]
- Phụ kiện : vòng đệm cao su
- Lượng khí tiêu thụ : 280 [L/min]
- Độ ồn : 91.2 [dB]

2



Linh kiện Option A

Mã đặt hàng.	041861
MODEL	ESVMR-A-A

- Trọng lượng : 19g
- Phụ kiện: bu lông (M2.5 x 10) x 4
- Đầu nối ống khí

3



Đầu giảm âm

Mã đặt hàng.	299653
MODEL	32.16.009

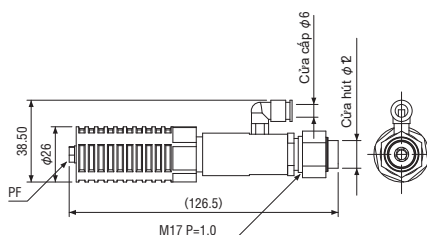
- Trọng lượng : 13g
- Giảm âm, Tổng lưu lượng hút: 400 [L/min]



Thiết bị tạo chân không

Mã đặt hàng.	041836
MODEL	ESVMR1-10-3

- Trọng lượng : 64g
- Lưu lượng hút : 260 [L/min]
- Lượng khí tiêu thụ : 210 [L/min]
- Độ ồn : 85 [dB]



Đầu giảm âm

Mã đặt hàng.	110663
MODEL	L18382-106

- Trọng lượng : 22g



Bạn có thể xem video sản phẩm bằng cách quét mã QR trên điện thoại thông minh.

Thay nhanh bàn gấp

Thay nhanh bàn gấp thủ công

Thay nhanh bàn gấp thủ công (Loại OM)

Thay dụng cụ

Hệ thống thay bàn gấp tự động

Kẹp

Xi lanh khí Mini

Phụ kiện cho xi lanh khí Mini

Xi lanh khí Container

Phụ kiện cho xi lanh khí Container

Xi lanh kẹp

Vật liệu cao su / Tấm kẹp

Giác hút

Giác hút cao su

Chân lắp giác hút

Pad in Pad

Tấm kẹp chân không

Bộ phận khí / Lọc khí / Van kiểm tra

Gấp sản phẩm siêu nhỏ

Bộ tạo chân không

Cắt

Xi lanh cắt (Nhỏ - Vừa)

Xi lanh cắt (Lớn)

Khung / Module

Jungle Gym

Let's Joint

Ông hình chữ nhật

Vật liệu Nhôm cơ bản

Bàn gấp dạng trượt

Linh kiện khí nén/ Cảm biến

Linh kiện khí nén

Cảm biến / Bộ mạch cộng tín hiệu AND

Bộ mạch truyền thông PCIO

Dòng linh kiện nhẹ

Khung/ Giác hút / Xi lanh nhựa/ Tấm kẹp

Cụm chia khí

Theo ngành nghề

Vận chuyển - Xếp Pallet / Kim loại tấm - Dập tấm - Gia công kim loại

Dụng cụ lắp ráp

Dụng cụ / Jig

Thông tin

Thông tin sản phẩm khác

Bo mạch điều khiển cảm biến Fine

Mã đặt hàng.	010521
MODEL	B-CONT-UNIT

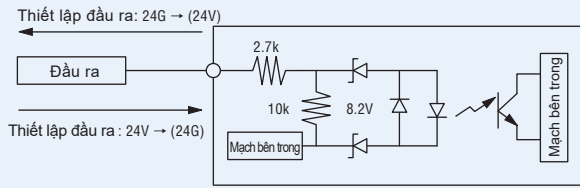
● Trọng lượng : 145g



- Mức độ phát hiện sản phẩm có thể chọn tự động / thủ công.
- Có thể chuyển đổi đầu ra AND và OR (/OR) .
- Cũng có thể chuyển đổi đầu vào và ra NPN / PNP .
- Có thể phát hiện tới 32 điểm (thêm bộ mở rộng).
- Tình trạng đầu vào của cảm biến được kiểm tra bằng màn hình LED.
- Có thể chọn phát hiện sản phẩm giữa mức (trạng thái sản phẩm) và chốt (giữ sản phẩm đi qua).
- Có thể chọn Light ON / Dark ON .

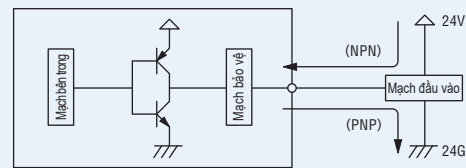
* Các bộ phận có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Cấu hình chuyển đổi mạch cảm biến đầu vào OR



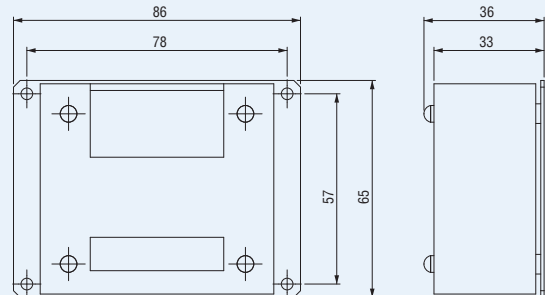
* Chuyển đổi cảm biến đầu vào: thay đổi thiết lập đầu vào bằng công tắc dựa trên thông số kỹ thuật mạch đầu ra của bạn (như hình minh họa).

Cấu hình mạch đầu ra



* Lựa chọn NPN/PNP như hình phía trên dựa vào thông số mạch đầu vào của bạn.

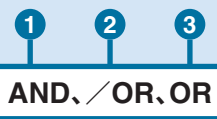
Kích thước bên ngoài / Kích thước lắp đặt



* Lỗ lắp đặt : 4- φ 3.5

Về "AND", "/OR", và "OR"

Phía đầu vào



Đầu ra S

AND

Đầu ra S sẽ ON khi tất cả các đầu vào (1 2 3) đều ON.

/OR

Đầu ra S sẽ ON khi tất cả các đầu vào (1 2 3) đều OFF.

OR

Đầu ra S sẽ ON khi một trong các tín hiệu đầu vào (1 2 3) ON.

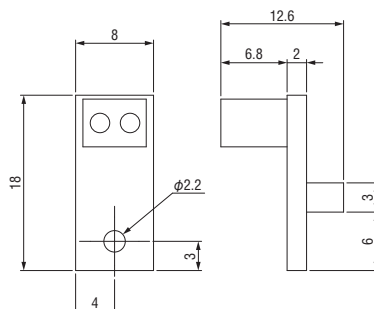
Thông số kỹ thuật

Điện áp nguồn cấp (V)	Tiêu thụ dòng điện bên trong (mA)	Dòng điện đầu vào (mA)	Dòng điện đầu ra (mA)	Độ ẩm môi trường (%)	Nhiệt độ môi trường (°C)	Điều kiện hoạt động
DC24 (± 10%)	120 max. (DC24V)	Nhỏ hơn 10 / 1 điểm	100 (MAX)	35 ~ 80 (không ngưng tụ)	0 ~ 40	Không có bụi và khí ăn mòn

Cảm biến Fine

Mã đặt hàng.	010519
MODEL	B-SENS-UNIT

● Trọng lượng : 1 g



Dây cảm biến Fine

Mã đặt hàng.	010522
MODEL	B-SENS-H

- Trọng lượng : 150g
- Chiều dài : 1 m
- Dây kết nối giữa cảm biến và bộ điều khiển cảm biến.

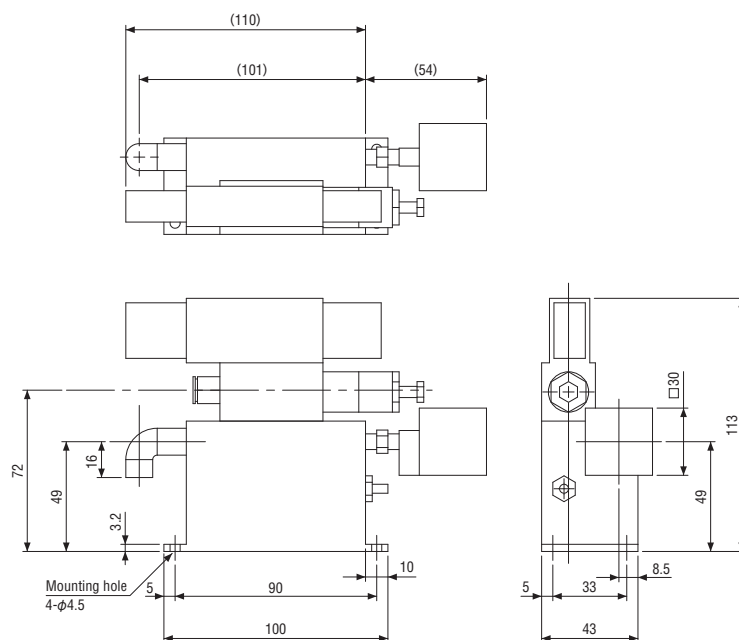


Cung cấp khí khô cho phép tạo ra áp suất chân không dễ dàng.



Mã đặt hàng.	210804
MODEL	V51-100-8283

- Trọng lượng : 8 00g
- Có thể xác nhận áp suất đạt được bằng cảm biến áp suất.
- Áp suất chân không có thể điều chỉnh được.



■ Thông số kỹ thuật

Chất lỏng được sử dụng	Áp suất khí được điều chỉnh bằng thiết bị điều áp với bộ lọc nhỏ hơn 74μ.
Áp lực	0.35 ~ 0.5MPa
Đạt áp suất chân không	Lớn hơn -0.079MPa (Áp suất cấp 0.5MPa)
Lưu lượng hút	18±1.5dm/phút ANR (Áp suất cấp 0.4MPa)
Lượng khí tiêu thụ (L/min)	30 ~ 40dm/phút ANR (Áp suất cấp 0.4MPa)
Trọng lượng	Xấp xỉ 1kg
Van điện từ 2-cổng	Van điện từ 2-cổng
Loại van	Van đôi
Thời gian đáp ứng	0.05 giây Max
Điện áp chuẩn	DC24V
Tiêu thụ điện năng	1.8W
Độ biến động điện áp cho phép	± 10%
Loại cách điện	Loại B

■ Cảm biến áp suất chân không có màn hình hiển thị

MODEL	PG-30-102R-N (Copal Electronics)
Điện áp nguồn cấp	DC10.8~30V bao gồm Ripple
Mức độ bảo vệ	IP65 (ngoại trừ giắc kết nối)
Đầu ra	NPN , 30 VDC max. (100 mA max.)
Điện áp dư	1.2 VDC max. (Điện áp tải 100 mA)
Thiết lập áp suất đầu ra	-53.3±5kPa (điện áp nguồn cấp DC24V, nhiệt độ môi trường 25±5°C)
Thiết lập độ trễ đầu ra	13.3kPa
Chế độ hoạt động	Khi áp suất âm vượt quá áp suất cài đặt, Transistor đầu ra sẽ ON và đèn LED màu đỏ sáng lên. (Khi có áp suất âm, màn hình hiển thị "-").
Đầu ra	Đầu ra tuyến tính (1-5VDC)